

# TỈNH CAO BẰNG

## TỜ TÂU

### TỈNH THÂN CAO BẰNG KÍNH TUÂN LỜI PHÊ BIÊN VẼ BẢN ĐỒ TIẾN TRÌNH

Bản đồ kèm theo:

Tỉnh Cao Bằng

Phủ Hòa An

Huyện Thạch Lâm

Huyện Thạch An

Huyện Nguyên Bình

Huyện Trùng Khánh

Huyện Thượng Lang

Huyện Quảng Uyên

Huyện Hạ Lang

高平省

和安府

石林縣

石安縣

原平縣

重慶府

上琅縣

廣淵縣

下琅縣

## TỈNH CAO BẰNG

Thành tỉnh<sup>1</sup> ở địa phận xã Gia Cung huyện Thạch An. Nguyên trước có đặt một tỉnh lỵ, một thương đồn. (Đồn ở phía đông nam tỉnh lỵ, cách 140 trượng). Năm Tự Đức 15 (1862) triệt bỏ tỉnh lỵ, dời về đóng ở thương đồn. Năm Tự Đức thứ 24 (1871) lại triệt bỏ thương đồn, chuyển lỵ về tỉnh lỵ cũ để làm việc. (Hiện nay có 4 đồn, xung quanh đắp lũy đất, phần nhiều đã bị nứt đổ, hai nhà kho lợp ngói, mỗi nhà có 11 gian, 2 chái, qua mưa gió nay đã nghiêng lún).

Thành đắp bằng đất, trên trồng rào tre, chu vi dài 176 trượng 1 thước (phía nam 41 trượng 5 thước, phía bắc 42 trượng, phía đông 47 trượng 3 thước, phía tây 45 trượng 3 thước). Thân thành cao 7 thước, chân thành dày 1 trượng. Mặt phải và mặt sau thành mỗi mặt có đắp 1 ụ súng hình bán nguyệt. Mặt trước và mặt trái có hai cổng thành xây gạch. Ba mặt trái, phải và sau có hào (hào trái rộng 1 trượng 3 thước, sâu 5 thước. Hào bên phải rộng 1 trượng, sâu 1 trượng. Hào phía sau rộng 1 trượng 2 thước, sâu 1 trượng). Mặt hào giáp với chân thành, [các bờ hào] đều có trồng tre. Mặt trước, cách thành 1 trượng 3 thước cũng trồng một hàng lũy tre, bao thẳng tới góc hào bên trái và bên phải. Phía ngoài lại đặt một tiền đồn, chu vi dài 140 trượng 8 thước (phía nam 41 trượng 5 thước, phía bắc 50 trượng 3 thước, phía đông 28 trượng, phía tây 21 trượng). Lũy đất ba mặt trước, trái, phải đều cao và dày gần 3 thước, trên lũy đều trồng hàng rào tre.

Tỉnh hạt phía đông giáp giới châu Hạ Lôi nước Thanh (Trung Quốc). Phía tây giáp phủ Trấn An nước Thanh và huyện Đẻ Định tỉnh Tuyên Quang. Phía nam giáp huyện Thất Khê tỉnh Lạng Sơn. Phía bắc và đông bắc đều giáp giới châu Quy Thuận nước Thanh. Phía tây nam giáp các huyện Bạch Thông, Cẩm Hoá tỉnh Thái Nguyên. Phía đông nam giáp giới các châu Hạ Đống, Long Châu, An Bình nước Thanh.

Đông tây cách nhau 152 dặm. Nam bắc cách nhau 87 dặm.

Nguyên số quân thuộc 2 cơ Hùng, Dũng là 836 người. Hiện tại ngũ chỉ có 269 người.

Dân số các hạng theo sổ cũ: 9.334 người. Hiện nay chỉ có 3.980 người.

Thuế hàng năm:

-Thuế nộp bằng tiền: 4.139 quan 4 mạch.

<sup>1</sup>Tỉnh Cao Bằng: Thời Lý Trần là đất châu Thái Nguyên 太原州. Thời thuộc Minh thuộc hai phủ Thái Nguyên (2 huyện Lộng Thạch 弄石, Thái Nguyên 太原) và Lạng Sơn (3 châu Thượng Tư Lang, Hạ Tư Lang 上, 下思琅, Quảng Nguyên 廣原). Đầu đời Lê Thái Tổ đổi làm phủ Bắc Bình 北平府, sau đổi là phủ Cao Bình 高平府 gồm 4 huyện: Thượng Tư Lang, Hạ Tư Lang, Thái Nguyên, Lộng Nguyên 弄源. Đời Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận 10 (1469) vẫn gọi là phủ Cao Bình (thuộc thừa tuyên Ninh Sóc, sau đổi là thừa tuyên Thái Nguyên), gồm 4 châu: Thượng Lang, Hạ Lang, Thái Nguyên, Lộng Nguyên. Từ cuối đời Hồng Đức đổi châu Thái Nguyên làm châu Thạch Lâm 石林州, châu Lộng Nguyên làm châu Quảng Uyên 廣淵州. Từ năm Cảnh Thống 2 (1499) đặt làm trấn Cao Bình (PĐĐD), nhưng phải đến khi đánh thắng nhà Mạc (1676) thì trấn Cao Bình mới tách hẳn với trấn Thái Nguyên. Đời Tây Sơn kiêng chữ Bình 平 (tên húy vua Quang Trung) đổi là trấn Cao Bằng 高憑鎮. Đầu Nguyễn lấy lại tên cũ là trấn Cao Bình 高平鎮 (vẫn chỉ gồm 1 phủ là phủ Cao Bình), nhưng theo thói quen vẫn đọc âm là Cao Bằng. Năm Minh Mệnh 7 (1826) đổi tên phủ Cao Bình thành phủ Trùng Khánh 重慶府. Năm Minh Mệnh 12 (1831) đặt làm tỉnh Cao Bình 高平省, chỉ gồm 1 phủ là phủ Trùng Khánh. Năm thứ 16 (1835) tách huyện Thạch Lâm để lập thêm phủ Hoà An. Năm Tự Đức 3 (1850) bỏ phủ Hoà An, đến năm Tự Đức 27 (1874) đặt lại. Như vậy, từ cuối Tự Đức đến Đông Khánh, tỉnh Cao Bằng gồm 2 phủ, 6 huyện (phủ Hoà An, 3 huyện: Thạch Lâm, Thạch An, Nguyên Bình; phủ Trùng Khánh, 3 huyện: Thượng Lang, Hạ Lang, Quảng Uyên). Nay là đất tỉnh Cao Bằng, trừ phần huyện Bảo Lạc từ đời Đông Khánh về trước thuộc về Tuyên Quang.

- Thuế biệt nạp (nộp bằng bạc): 313 lạng bạc.
- Thuế sắt rèn<sup>1</sup> (nộp thay bằng bạc): 25 lạng bạc 2 tiền bạc.

Ruộng đất các hạng:

- Theo sổ cũ là 37.393 mẫu 5 sào 13 thước 1 tác 6 phân.
- Hiện đang canh tác 20.940 mẫu 9 sào 14 thước 7 tác 5 phân.

Thuế:

- Nộp bằng thóc: 5.934 hộ 18 bát 6 vốc 6 nắm.
- Nộp bằng tiền: 3.493 quan 4 mạch 10 đồng tiền.
- Mỏ sắt Khải Hoà hiện thu thuế bằng 20 lạng bạc.
- Mỏ sắt ở phía đông nam hiện thu thuế bằng 4 lạng 5 tiền bạc.
- Mỏ thiếc Vụ Nông hiện thu bằng 100 cân thiếc trắng.
- Cửa Lương Mã nguyên lệ thu thuế 1.100 lạng bạc, hiện thu bằng tiền 1.000 quan.
- Cửa Na Thông nguyên lệ thu thuế 1.300 lạng bạc, hiện thu bằng tiền 1.300 quan.
- Mỏ bạc Ngân Sơn nguyên ngạch thuế 370 lạng bạc, hiện thu 100 lạng.

Ngoài ra, nguyên trước đây:

- Mỏ vàng Thuận Mang thu thuế 13 lạng.
- Mỏ vàng Vĩnh Giang thu thuế 3 lạng.
- Mỏ vàng Tĩnh Đà thu thuế 2 lạng 5 tiền vàng.
- Mỏ vàng Phú Nội thu thuế 30 lạng.

Nay đều đã đóng mỏ thời khai thác.

Tỉnh thống hạt 2 phủ, gồm 6 huyện:

#### 1. Phủ Hoà An:

- Kiêm lý: huyện Thạch Lâm.
- Thống hạt: 2 huyện Thạch An, Nguyên Bình.

#### 2. Phủ Trùng Khánh:

- Kiêm lý: huyện Thượng Lang.
- Thống hạt: 2 huyện Hạ Lang, Quảng Uyên.

#### **Phong tục:**

Dân cư trong tỉnh cư trú trong các thôn xóm rải rác, mỗi xã chia làm ba bốn xóm, mỗi xóm cũng chỉ ba bốn hoặc tám chín nóc nhà, tùy tiện cư trú ở chỗ có nhà có ruộng. Dân cư có người Thổ (Tày), Nùng, Mán. Hai huyện Thạch Lâm, Thạch An phủ Hoà An người Nùng, người Mán và người Thổ (Tày) ở xen nhau. Huyện Nguyên Bình người Mán nhiều hơn người Thổ (Tày), mà không có người Nùng. Ba huyện Thượng Lang, Hạ Lang, Quảng Uyên phủ Trùng Khánh thì người Nùng người Thổ (Tày) ở xen nhau, mà không có người Mán. Người Thổ (Tày) làm nhà sàn để ở (nuôi gia súc ở dưới sàn), mặc quần áo nhuộm chàm, lấy ruộng làm nghề cày. Trên ruộng nương rải rác có những nơi dùng máng tre bương gác nối tiếp để hứng nước suối dẫn vào ruộng, hoặc dùng xe guồng để lấy nước tưới ruộng, ít tốn sức mà thường được nhiều hiệu quả. Nhưng trong việc canh tác người Thổ phân nhiều lưỡi biếng.

Lễ cưới thì nhà trai chọn hai người thuộc hàng tôn trưởng (tục gọi là *Chàng lang*) để đứng ra làm các nghi thức lễ cưới. Nhà gái cũng chọn 2 người con gái chưa chồng (tục gọi là *Nàng dâu*) cầm bầu rượu và chén đứng chờ ở cửa, khi chàng rể đến thì quỳ xuống mà mời rượu. Chàng rể uống trước rồi đến những thân thích đi theo lần lượt uống sau. Xong đó mời mọi người vào nhà bày rượu khoản đãi. Làm lễ xong đón dâu về nhà, họ hàng tặng biếu nhiều thứ (như bông, vải, đồ dùng chén bát).

<sup>1</sup>Ngv.: thực thiết 熟鐵.

Lễ tang thì có đội kèn thổi bài kèn đám ma để cho thêm phần ai oán. (Lời bài hát đám ma như: "Hoi hày là lúc lan năn nỉ tưởng hiếu xưa... cần, từ vua Thuấn đối vua Văn Đế chúc phụng thờ bố mẹ ký lai". Quốc âm dịch rằng: "Than ôi! Là con cháu năn nỉ tưởng hiếu xưa hai mươi bốn người. Từ vua Thuấn với vua Văn Đế biết phụng thờ cha mẹ bao nhiêu". Ngoài ra thì ngày giỗ ngày tết đều giản lược. Duy có tiết Thanh minh<sup>1</sup> cả nhà ăn mặc chỉnh tề đem hương, rượu, gà vịt, xôi năm màu cùng đi tảo mộ. Chỉ một lễ này là có lễ ý trọng hậu nhất. Người Nùng ở dưới chân núi, cũng làm nhà sàn, phần nhiều là ăn cháo ngô. Đàn ông cạo trọc chỉ để một chỏm tóc trên đỉnh đầu, mặc áo vải ngắn nhuộm chàm. Đàn bà mặc váy, búi tóc cài trâm. Con gái chưa lấy chồng thì bím tóc ở trán, để một hàng dài chừng một tấc cho rủ xuống để phân biệt. Nghề nghiệp thì cũng chỉ cày cấy làm nông, cũng bắc dàn máng tre hứng nước suối hoặc làm xe guồng kéo nước tưới ruộng. Duy có công việc cày bừa làm lụng thì người Nùng cần cù hơn người Thổ (Tày). Tục cưới vợ thì chàng rể không đi đón dâu. Việc tang thì theo phép siêu độ của nhà Phật. Người 40 tuổi trở lên thì đến sinh nhật làm cỗ rượu thịt chúc mừng, nhưng sau khi chết thì không làm giỗ. Tiết Thanh minh đi tảo mộ. Nói chung thì lễ tiết tập tục đại khái cũng như người Thổ (Tày). Duy có tết Trung nguyên (rằm tháng bảy) thì làm lễ tương đối lớn... Các nhà đều dọn cỗ rượu thịt, cứ tính theo nhân khẩu mỗi người phải ăn nhấm một con vịt, trẻ con không ăn hết thì người lớn ăn thay. Mọi nhà đều như vậy. Người Mán ở trên núi trồng tria đất núi, thường xuyên di chuyển.

Người Mán Đại Bản (tục gọi là *Mán Sùng*) con trai cạo đầu nhưng để lại chỏm tóc ở bốn phía, chít khăn vải đen lệch về bên phải bỏ múi khăn buông xuống trông giống như cái sừng, mặc áo ngắn màu đen. Con gái mặc áo hai thân, khâu chằng thân trước với thân sau bằng hình hoa sợi đỏ, bên trên khâu thêm vòng cổ áo tròn ngắn, bốn phía đính các sợi tua có xuyên hột kim cương<sup>2</sup>.

Người Mán Tiểu Bản (tục gọi là *Mán Tiên*), con trai chít khăn vải chàm, mặc áo không có cổ, bốn phía thêu hoa văn bằng sợi màu. Con gái đầu đội khuôn gỗ hình vuông<sup>3</sup> rồi lấy mảnh khăn vải trắng trùm lên, gấu áo thì thêu hình sóng nước, sau lưng áo ai nấy đều đeo tiền làm dấu hiệu.

Người Mán Bạch Miêu (tục gọi là *Mường Khao*), đàn ông đàn bà đều xoắn tóc, mặc đồ vải thô trắng.

Đó là về sự cần cù chịu khó và cách thức ăn mặc hủ lậu của ba tộc người Mán nói trên. Giã gạo thì dùng cối nước<sup>4</sup>, lấy nước ở suối về thì dùng ống tre bương. Con trai từ 15 tuổi trở lên<sup>5</sup> mỗi người đều có một khẩu súng tay<sup>6</sup>. Lấy vợ lấy chồng thì có lệ thách cưới. Khi lấy vợ đưa sính lễ phí tổn hết bao nhiêu, đến khi sinh con gái, lớn lên gả chồng cũng cứ theo lệ ấy mà thách cưới. Tang ma thì cũng giống như tục người Nùng, không biết dùng mộ chí, khi di chuyển đi đâu thì đem theo hài cốt của tiên nhân đi theo đó. Ngày tết, ngày lập chỉ làm sơ sài, ngày giỗ cũng không cúng. Trừ những người theo Thiên chúa giáo, còn lại phần lớn tập tục chuộng ma quỷ. Khi ốm đau bệnh tật thì mời thầy mo đến cầu cúng.

Người Thổ (Tày) và người Nùng, thầy cúng đàn ông thì gọi là *giang*, thầy cúng đàn bà thì gọi là *bụt*. Dụng đàn vào cúng, tay gảy đàn chân lắc chuông, miệng đọc chú cầu phách. Lấy một chiếc áo của người ốm và một quả trứng gà, một ống gạo, làm bùa chú xong đem áo và trứng đặt lên chỗ người ốm

<sup>1</sup>Mồng ba tháng ba.

<sup>2</sup>Kim cương lạp 金剛粒: Tức hạt của cây Cốt ngành 骨硬, các tăng ni thường lấy xâu thành chuỗi tràng hạt, cho nên có tên là hột kim cương: "Lạ thay Cốt ngành 骨硬 nguyên quân, là Kim cương tử hột lân khư ni" (CNNÁ, Quả loại).

<sup>3</sup>Ngv.: phương bản 方板, tức khung gỗ hình vuông làm khuôn khâu đội đầu. Do đặc điểm này (khuôn ván to, khuôn ván nhỏ) mà có tên gọi Mán Đại Bản và Mán Tiểu Bản.

<sup>4</sup>Ngv.: thủy cơ, chỉ loại cối giã gạo bằng sức nước.

<sup>5</sup>Ngv.: thành đồng: con trai từ 15 tuổi trở lên.

<sup>6</sup>Ngv.: thủ pháo, cũng thường gọi là súng kíp.

nằm. Người Mán chỉ có thầy cúng đàn ông, tục gọi là *thầy mo*. Cúng thì dùng trống, lại dùng trẻ con ngồi cầm hòn đá gọi là *đá hành*, thầy cúng làm bùa chú gọi ma, rồi mượn lời mà đuổi tật bệnh đi chứ không dùng thuốc. Người Thổ (Tày), Nùng, Mán đều theo như thế. Tập tục giống nhau khác nhau đại khái là vậy. Trong đó hai huyện Thạch Lâm, Thạch An hơi có phong giáo. Hai huyện Thượng Lang, Quảng Uyên tập tục khá thuần hậu. Huyện Nguyên Bình gần với nghĩa. Người huyện Hạ Lang thì hung hãn, điều toa, phong khí mỗi nơi một khác. Trong cả tỉnh hạt ngoài chợ không có người mặc áo rách, trên đường không có kẻ ăn xin. Trộm cắp cũng ít. Có lẽ là cách kiếm sinh nhai cũng được dễ dàng. Còn như người Thanh (Trung Quốc) đến cư ngụ ở các mặt phố huyện phủ thì cũng có, tập tục vẫn theo tục nước Thanh.

### **Sản vật:**

Trong tỉnh chỉ có ruộng cấy lúa thu, không có ruộng cấy lúa hè. Hoa màu giống khoai, đậu, lúa mạch (mạch có 3 loại: một là *mạch ba cạnh*, dùng để nấu cháo, hai là *đại mạch* để làm bột, ba là *tiểu mạch* dùng để nấu rượu), ngô. Trên các núi đá có cây quang lang (lõi cây có thể giã làm bột), gỗ nghiến<sup>1</sup>. Trong rừng thì rải rác huyện nào cũng có nơi có hươu, nai, xạ hương, sơn dương, gà rừng, mật ong trắng, củ mài v.v... Huyện Thạch An có mía, sa nhân, củ nâu, vàng, sắt, và có nghề làm chiếu tre. Thạch Lâm có mía, củ nâu, đá nam châm, sắt và có nghề làm đồ sành gốm. Huyện Nguyên Bình có củ nâu, vàng, bạc, chì, thiếc. Huyện Thượng Lang có hạt dẻ, cá hương. Huyện Quảng Uyên có hàng dệt thổ cẩm. Huyện Hạ Lang có cây kim anh. Còn như đào, mắc coọc<sup>2</sup> thì huyện nào cũng có, nhưng đào huyện Thạch Lâm, lê huyện Thượng Lang thơm ngon hơn cả.

### **Khí hậu:**

Địa thế của tỉnh núi rừng liên tiếp nhau, khí hậu rét nhiều, lam chướng độc hại, nhưng được cái là không có bão. Ba mùa từ thu, đông đến mùa xuân buổi sáng sương mù dày đặc, phải quá một, hai giờ thì mới tan, trời thường âm, chỉ mùa hè mới được trời quang mây tạnh. Khoảng tháng 5, 6 thường có mưa rào. Phủ Hoà An nước suối thường dâng tràn. Phủ Trùng Khánh thì sau khi mưa nước tiêu thoát được. Tháng 11, 12 rét nhất. Phủ Trùng Khánh nước thường đông tuyết. Phủ Hoà An thỉnh thoảng cũng có tuyết. Thời vụ làm nông, phủ Hoà An xuống cấy vào tháng 5, 6, khoảng tháng 9, 10 thu hoạch, cũng giống như miền trung châu. Phủ Trùng Khánh thì tháng 4 đã xuống cấy, tháng 5 cấy xong, nếu chậm cấy sang tháng 6 thì lúa không kịp chín.

### **Núi sông:**

Trong tỉnh hạt núi rừng liên tiếp, khe suối quanh co. Có 4 núi Tứ trụ là núi Sâm, núi Hoàng, núi Luân, núi Liêu (núi Sâm ở xã Tượng Cần huyện Thạch An, cách phía bắc thành tỉnh 5 dặm. Núi Hoàng ở xã Ngọc Pha, cách phía đông thành tỉnh 2 dặm 90 trượng. Núi Luân ở xã Phú Thứ, cách phía nam thành tỉnh 15 dặm. Núi Lạo ở xã Triều Vũ huyện Bình Nguyên, cách phía tây nam thành tỉnh 24 dặm. Đó là 4 núi cao nhất, người trong tỉnh gọi là 4 núi Tứ trụ).

Sông thì có 3 sông: sông Mãng, sông Hiến, sông Cồn (3 sông hợp dòng, chảy quanh 3 mặt đông, tây, bắc thành tỉnh).

### **Danh thắng:**

Tỉnh hạt ở miền biên giới, không có nhiều danh thắng. Đáng kể ra thì có:

- Thành cổ ở Nà Lữ, Phục Hoà.
- Chùa cổ ở Xuân Lĩnh, Mạnh Thủy.
- Đấu phi mao ở miếu Sâm Sơn.

<sup>1</sup>Chữ Nôm trong ngv.: 榿木.

<sup>2</sup>Quả mắc coọc, ngv.: sa lê沙梨, phân biệt với lê梨 quả to mỏng vỏ.

-Thơ khắc trên đá ở núi Hoà Ninh.

-Động Thông Thiên ở núi Trà Lĩnh.

### **Đường đi:**

-Một đường quan báo từ thành tỉnh đi về phía nam, qua 2 trạm Cao Phúc, Cao Nhã, đến đỉnh núi Chung Sơn giáp địa giới huyện Thất Khê tỉnh Lạng Sơn, dài 43 dặm.

-Lại một đường nhỏ từ trạm Cao Phúc đi về phía đông nam, qua phố Thơm Ban đến trại Nà Lạn đến giáp địa giới châu Hạ Đống nước Thanh (Trung Quốc) dài 45 dặm 12 trượng.

-Một đường nhỏ từ thành tỉnh đi về phía tây, qua xã Tân Trại huyện Thạch An, phố Tứ Chiếng huyện Thạch Lâm đến xã Cầm Nông giáp địa giới huyện Đẻ Định tỉnh Tuyên Quang, dài 91 dặm 7 trượng.

-Lại một đường từ phố Tứ Chiếng đi về phía tây bắc, qua xã Quảng Trù đến xã Nà Xác giáp ải Bình Mạnh phủ Tiểu<sup>1</sup> Trấn An nước Thanh (Trung Quốc) dài 50 dặm 25 trượng.

-Một đường nhỏ từ thành tỉnh đi về phía tây nam, qua các xã Lãn Sơn, Vân Du huyện Thạch An, xã Bằng Đức huyện Nguyên Bình đến xã Vân Tông giáp địa giới huyện Cẩm Hóa tỉnh Thái Nguyên, dài 80 dặm 35 trượng.

-Một đường nhỏ từ thành tỉnh đi về phía đông, qua xã Ngọc Pha huyện Thạch An, xã Án Lại huyện Thạch Lâm, các xã Đà Tàu, Mạn Đà, Cẩm Hảo huyện Quảng Uyên, các xã Ý Cống, Hiếu Lễ huyện Thượng Lang, xã Trạo Nhi huyện Hạ Lang đến thôn Lũng Đa giáp địa giới châu Hạ Lôi nước Thanh, dài 130 dặm 73 trượng.

-Lại một đường từ xã Án Lại đi về phía đông bắc, qua xã Trà Lĩnh đến xã Hy Lũng giáp địa giới châu Quy Thuận nước Thanh, dài 34 dặm 50 trượng.

-Lại một đường từ xã Đà Tàu đi về phía đông nam qua các xã Bà Dương, Lạc Giao, Cách Linh, Phát Mè đến đồn Nà Thông giáp cửa Thủy Khẩu thuộc Long Châu nước Thanh, dài 65 dặm.

## PHỦ HOÀ AN

Phủ hạt<sup>2</sup> ở phía tây thành tỉnh. Phủ kiêm lý huyện Thạch Lâm, thống hạt hai huyện Thạch An, Nguyên Bình. Phủ lý đặt ở địa phận xã Mạnh Thủy tổng Hà Đàm huyện Thạch Lâm (cách thành tỉnh 19 dặm). Năm Tự Đức thứ 3 (1850)<sup>3</sup> vâng mệnh giảm bỏ phủ Hoà An, chỉ để lại phủ Trùng Khánh, dời phủ lý đến đây. Năm thứ 27 (1874) vâng mệnh dời phủ lý phủ Trùng Khánh đến huyện Thượng Lang, lại đặt phủ Hoà An, vẫn đặt phủ lý ở chỗ cũ.

Thành hướng mặt chính về phía đông nam, đắp bằng đất, đất cao 6 thước. Mặt thành rộng 4 thước, chân thành rộng 8 thước, chu vi 88 trượng 2 thước (mặt trước 24 trượng, mặt sau 17 trượng 9 thước,

<sup>1</sup> ải Bình Mạnh, các nơi khác đều viết là ở phủ Trấn An, 鎮安府 riêng ở đây ngv. chép là 小鎮安府 (phủ Tiểu Trấn An?). Ngờ là do một liên tưởng nào đó mà chép nhầm thừa chữ Tiểu 小.

<sup>2</sup> Phủ Hoà An 和安府: Nguyên là đất châu Thái Nguyên đời Lý, châu Thạch Lâm phủ Cao Bằng (sau đổi là trấn) đời Lê-đầu Nguyễn. Năm Minh Mệnh 16 (1835) tách huyện Thạch Lâm để lập phủ Hoà An gồm 2 huyện Thạch Lâm và Thạch An, thuộc tỉnh Cao Bằng. Năm Tự Đức 3 (1850) bỏ phủ Hoà An. Năm Tự Đức 27 (1874) lập lại phủ Hoà An, gồm 3 huyện (2 huyện cũ và 1 huyện mới là huyện Nguyên Bình cắt từ đất huyện Thạch Lâm cũ và 2 tổng Thượng Quan, Kim Mã trước thuộc huyện Cẩm Hoá tỉnh Thái Nguyên). Nay là các huyện Hoà An, Thông Nông, Hà Quảng, Nguyên Bình, Ngân Sơn, tỉnh Cao Bằng.

<sup>3</sup> ĐNNTC chép việc bỏ phủ Hoà An vào năm Tự Đức 4 (1851).

mặt trái 24 thước 8 thước, mặt phải 21 thước 5 thước). Ba mặt trước, trái và phải có hào, đều rộng 5 thước, sâu 3 thước. Mở hai cửa ở đằng trước và phía bên trái.

Phủ hạt phía đông giáp địa giới huyện Quảng Uyên, phía tây giáp phủ Trấn An nước Thanh và địa giới huyện Đẻ Định tỉnh Tuyên Quang, phía nam giáp địa giới huyện Thất Khê tỉnh Lạng Sơn, phía bắc giáp địa giới châu Quy Thuận nước Thanh.

Đông tây cách nhau 107 dặm 7 thước. Nam bắc cách nhau 87 dặm.

Số lính hiện tại 110 người (không rõ số gốc).

Nhân số các hạng theo sổ gốc: 4.486 người. Hiện có 1.918 người.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 1.825 quan 4 tiền.

-Thuế biệt nạp (nộp bằng bạc): 219 lạng.

-Thuế sắt rèn (nộp thay bằng bạc): 25 lạng 2 tiền.

Ruộng đất các hạng theo sổ gốc: 16.484 mẫu 2 sào 12 thước.

-Hiện khai khẩn: 9.787 mẫu 7 sào 7 thước 5 tấc.

-Hiện thu thóc tô: 2.783 hộc 27 bát 23 thìa.

-Hiện thu tiền thuế: 1.645 quan 1 tiền 35 đồng tiền.

Hai mỏ sắt Đông Nam và Khải Hòa nộp thuế bằng bạc 24 lạng 5 tiền.

Mỏ thiếc Vụ Nông nộp thiếc trắng 100 cân.

Mỏ bạc Ngân Sơn nguyên ngạch thuế 370 lạng. Hiện thu 100 lạng.

Lại thuế mỏ vàng Thuận Mang 13 lạng, thuế mỏ vàng Vĩnh Giang 3 lạng, thuế mỏ vàng Tĩnh Đà 2 lạng 5 tiền, thuế mỏ vàng Phú Nội 30 lạng, hiện đã đóng mỏ không khai thác.

**Huyện Thạch Lâm** do phủ kiêm lý, 8 tổng:

- |                   |                  |                  |                    |
|-------------------|------------------|------------------|--------------------|
| 1. Tổng Hà Đàm    | 2. Tổng Hà Quảng | 3. Tổng Phù Đống | 4. Tổng Thông Nông |
| 5. Tổng Nhượng Bạ | 6. Tổng Tĩnh Oa  | 7. Tổng Trung An | 8. Tổng Trà Lĩnh   |

Thống hạt: 2 huyện Thạch An, Nguyên Bình:

**Huyện Thạch An**, 7 tổng:

- |                  |                   |                    |                  |
|------------------|-------------------|--------------------|------------------|
| 1. Tổng Tượng An | 2. Tổng Suất Tính | 3. Tổng Phục Hoà   | 4. Tổng Ngọc Pha |
| 5. Tổng Lãn Sơn  | 6. Tổng Giang Ngô | 7. Tổng Thượng Pha |                  |

**Huyện Nguyên Bình**, 4 tổng:

- |                  |                     |                |                |
|------------------|---------------------|----------------|----------------|
| 1. Tổng Gia Bằng | 2. Tổng Thượng Quan | 3. Tổng Cẩm Lý | 4. Tổng Kim Mã |
|------------------|---------------------|----------------|----------------|

**Phong tục:**

Trong phủ hạt hai huyện Thạch Lâm, Thạch An người Thổ (Tày) nhiều, mà người Nùng, Mán ít. Huyện Nguyên Bình thì người Mán nhiều mà người Thổ (Tày) ít, không có người Nùng. Các ấp xóm ở rải rác, tập tục giống nhau khác nhau ra sao đại thể đã ghi ở phần chung toàn tỉnh. Trong đó các xã Nhượng Bạ, Hà Đàm huyện Thạch Lâm, các xã Lãn Sơn, Tượng Yên huyện Thạch An hơi có văn giáo. Xã Kim Mã huyện Nguyên Bình gần với hiếu nghĩa. Đó là điểm nổi trội. Còn nói chung thì dân Thạch Lâm tương đối thuần hậu. Các huyện Thạch An, Nguyên Bình thì rải rác cũng có những kẻ hung hãn gian trá. Dân làm nghề cày ruộng, người buôn bán cũng có nhưng rất ít. Tục tin chuộng thầy cúng (thầy cúng đàn bà nhiều hơn thầy cúng đàn ông), mà hai huyện Thạch Lâm, Thạch An thì tục này nặng nề hơn ở Nguyên Bình.

**Sản vật:**

Ruộng phần nhiều là chân ruộng cao khô, thích hợp với lúa thu, không thích nghi với lúa hè. Khoai, đậu, lúa mạch, ngô, bông, cây chàm<sup>1</sup> thì tùy theo chất đất từng nơi mà trồng, nhưng phần nhiều là trồng ngô. Trên các núi đá có cây gỗ nghiến, cây quang lang (cây bột báng). Núi đất có cây củ nâu, sắn. Còn hươu, nai, sơn dương, gà rừng, xạ hương, mật ong trắng thì các rừng đều có, nhưng cũng không phải thường xuyên săn bắt được. Mía thì ở Nhượng Bản, Giang Ngô có trồng. Trà Lĩnh có lê, đào ngon. Hà Quảng có đá nam châm. Thượng Quan có bạc. Kim Mã có thiếc. Sắt thì có ở Hà Quảng, Ngọc Pha. Vàng có ở Thượng Quan, Suất Tĩnh, Giang Ngô. Suất Tĩnh có nghề làm chiếu trúc, Nhượng Bản có nghề làm đồ gốm.

**Khí hậu:**

Đất liền vùng chân rừng, nhiều sương mù chướng khí, mặt trời lên cao 2, 3 trượng sương núi mới tan, từ thu đông đến mùa xuân đều như thế. Mùa xuân nhiều gió đông bắc, tháng 3 trời còn rét. Tháng 4 thời tiết ấm dần. Tháng 5, 6 nắng nóng, mưa nhiều, sông suối dâng tràn, sau mưa từ 3 đến 5 ngày mới rút hết. Tháng 7, 8 lui nóng, đêm đến lạnh dần. Tháng 9, 10 trời thường âm u. Tháng 11, 12 gió bắc, rét đậm, thỉnh thoảng có mưa tuyết. Nhưng bốn mùa không có gió bão. Nông vụ tháng 5, 6 xuống cấy, tháng 9, 10 thu hoạch, đại khái cũng như ở trung châu.

**Núi sông:**

Địa thế tỉnh hạt núi liền núi, kể núi lớn thì có 6 dãy (các chi các nhánh nhỏ thì rất tản mạn, mạch lạc không tiếp nối, khó biết rõ. Ở đây tạm theo thế lớn mà chia thành các dãy để ghi sự gần xa của nơi này nơi kia):

-Một dãy từ châu Quy Thuận nước Thanh chạy đến tổng Trung An huyện Thạch Lâm. Trong đó 4 chi tan toả ra trong huyện hạt rồi hết. Một chi chạy đến huyện Thạch An thì dừng.

-Một dãy từ châu Quy Thuận nước Thanh chạy đến tổng Trà Lĩnh. Trong đó một chi chạy đến huyện Thạch An thì hết. Ba chi chạy liền xuống địa phận huyện Quảng Uyên.

-Một dãy từ huyện Cẩm Hóa tỉnh Thái Nguyên chạy đến tổng Kim Mã huyện Nguyên Bình. Trong đó 2 chi đến huyện Thạch Lâm thì dừng, 2 chi nữa đến huyện Thạch An thì dừng.

-Một dãy từ huyện Cẩm Hóa chạy đến tổng Thượng Quan, liền xuống địa phận huyện Thạch An, chạy tiếp đến châu Hạ Đống nước Thanh.

-Một dãy từ phủ Trấn An nước Thanh chạy đến tổng Hà Quảng huyện Thạch Lâm, đến tổng Thông Nông thì dừng.

-Một dãy từ huyện Đẻ Định tỉnh Tuyên Quang chạy đến tổng Thông Nông huyện Thạch Lâm thì dừng. Trong đó những núi có tên:

-Huyện Thạch Lâm có các núi: Mã Phục, Mã Phi, Bình Phong, Nha Sơn, Thiên Mã.

-Huyện Thạch An có các núi: Sâm Sơn, Hoàng Sơn, Luân Sơn, Uy Sơn, Kê Minh, Tam Đầu, Long Hàm.

-Huyện Nguyên Bình có các núi: Liêu Sơn, Ba Ngân, Ngưu Giác, Giảng Sơn, Mai Sơn.

Sông:

Có 3 sông lớn là sông Mãng, sông Hiến và sông Cỏn.

-*Sông Mãng*: Một dòng sông từ phủ Trấn An nước Thanh đổ xuống huyện Thạch Lâm. Lại có 4 nhánh: một nhánh từ châu Quy Thuận nước Thanh, một nhánh từ huyện Đẻ Định tỉnh Tuyên Quang,

<sup>1</sup>Cây chàm, ngv.: lam thảo 覽草, thường dùng lấy vỏ và lá để nhuộm màu xanh chàm.

một nhánh từ huyện Cẩm Hóa tỉnh Thái Nguyên, một nhánh từ núi xã Phù Đổng huyện Thạch Lâm, đều hợp lưu ở huyện Thạch Lâm, chảy qua huyện Thạch An, rồi chảy sang đất Long Châu nước Thanh.

*-Sông Hiến:* Một dòng từ núi Vụ Nông huyện Nguyên Bình chảy xuống huyện Thạch An. Lại có 2 nhánh: một nhánh từ núi Ba Ngán huyện Nguyên Bình, một nhánh từ núi Tịnh Đà huyện Thạch An, đều hợp lưu ở huyện Thạch An chảy đến tổng Lãn Sơn, hợp lưu với sông Mãng.

*-Sông Cỗn:* Một dòng từ núi Tráng Biên tổng Trà Lĩnh huyện Thạch Lâm chảy xuống đến tổng Ngọc Pha huyện Thạch An, hợp lưu với sông Mãng.

### **Danh thắng:**

-Huyện Thạch Lâm: Thành cổ Nà Lữ, đá khắc bài thơ ở núi Hoà Ninh, chùa cổ Vu Thủy, động Trà Lĩnh.

-Huyện Thạch An: Thành cổ Phục Hoà, miếu cổ Linh Sơn, chùa cổ Xuân Lĩnh.

-Huyện Nguyên Bình: không có danh thắng nào đáng chép.

### **Đường đi:**

-Một đường lớn từ phủ lý đi về phía đông, qua xã Cù Sơn huyện Thạch Lâm và các xã Hà Hoàng, Gia Cung huyện Thạch An, qua hai trạm Cao Phúc, Cao Nhã đến đỉnh núi Chung Sơn giáp giới huyện Thất Khê tỉnh Lạng Sơn, dài 57 dặm.

-Một đường nhỏ từ trạm Cao Phúc đi về phía đông nam, qua phố Thơm Ban đến trại Nà Lạn giáp giới châu Hạ Đống nước Thanh, dài 45 dặm 12 trượng.

-Một đường từ xã Gia Cung đi về phía đông, qua xã Ngọc Pha huyện Thạch An, xã Án Lại huyện Thạch Lâm đến xã Đoài Khôn giáp huyện Quảng Uyên, dài 24 dặm.

-Một đường từ xã Án Lại đi về phía đông bắc, qua xã Trà Lĩnh đến xã Hy Lũng giáp châu Quy Thuận nước Thanh, dài 34 dặm 50 trượng.

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía tây bắc, qua phố Tứ Chiếng đến xã Càn Nông giáp giới huyện Đẻ Định tỉnh Tuyên Quang, dài 72 dặm.

-Một đường từ phố Tứ Chiếng đi về phía tây, qua các xã Quảng Trù, Sóc Giang, đến xã Nà Xác giáp ải Bình Mạnh phủ Trấn An nước Thanh, dài 50 dặm 25 trượng.

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía tây nam, qua các xã Nà Lữ, Lân Chỉ huyện Thạch Lâm, các xã Gia Bằng, Bằng Đức huyện Nguyên Bình đến xã Vân Tông giáp giới huyện Cẩm Hóa tỉnh Thái Nguyên, dài 50 dặm.

## **HUYỆN THẠCH LÂM**

Huyện Thạch Lâm<sup>1</sup> do phủ Hoà An kiêm lý.

Huyện hạt phía đông giáp giới huyện Thạch An, phía tây giáp giới phủ Trấn An nước Thanh, phía nam giáp giới huyện Nguyên Bình, phía bắc giáp giới châu Quy Thuận nước Thanh.

Đông tây cách nhau 90 dặm. Nam bắc cách nhau 60 dặm.

Số binh hiện tại 74 người (số cũ không rõ).

<sup>1</sup>Huyện Thạch Lâm 石林縣: Đời Lý Trần là đất châu Thái Nguyên. Huyện mang tên châu Thạch Lâm thuộc phủ Cao Bằng đặt từ năm Quang Thuận 10 (1469) đời Lê Thánh Tông. Trải qua các triều vẫn là châu Thạch Lâm. Năm Minh Mệnh 16 (1835) tách châu Thạch Lâm thành 2 huyện Thạch Lâm và Thạch An thuộc phủ Hoà An (từ 1850 bỏ). Năm Tự Đức 27 (1874) khi lập lại phủ Hoà An, tách thêm một số tổng xã sang huyện Nguyên Bình mới lập. Nay thuộc các huyện Hoà An, Thông Nông, Hà Quảng, Trà Lĩnh tỉnh Cao Bằng.

Nhân số các hạng, theo sổ cũ 1.969 người. Hiện nay có 1.148 người.

Thuế cả năm:

- Nộp bằng tiền: 1.076 quan 6 tiền.
- Thuế biệt nạp (nộp bằng bạc): 142 lạng 5 đồng cân.
- Thuế sắt rèn (nộp thay bằng bạc): 25 lạng 2 tiền.

Ruộng đất các hạng, theo sổ cũ có: 7.659 mẫu 7 sào 7 thước 6 tấc.

Hiện khẩn hoang được 6.095 mẫu 5 sào 2 thước 4 tấc.

- Nộp bằng thóc: 1.699 học 10 bát 5 nắm.
- Nộp bằng tiền: 1.064 quan 6 tiền 54 đồng tiền.

Thuế mỏ sắt Khải Hoà nộp bằng bạc: 20 lạng.

Huyện có 8 tổng:

**1-Tổng Hà Đàm**, 6 xã, phố:

- |             |               |             |              |
|-------------|---------------|-------------|--------------|
| 1.Xã Hà Đàm | 2.Xã Xuân An  | 3.Xã Cù Sơn | 4.Xã Vu Thủy |
| 5.Xã Nà Lữ  | 6.Phố An Bình |             |              |

**2-Tổng Nhượng Bạ**, 13 xã, phố, ấp, động, trại:

- |                 |                |                 |                  |
|-----------------|----------------|-----------------|------------------|
| 1.Xã Nhượng Bạ  | 2.Xã Thọ Cương | 3.Xã Thạch Môn  | 4.Xã Bác Kiều    |
| 5.Xã Thạch Động | 6.Xã Phúc Tăng | 7.Xã Cối Khê    | 8.Xã An Ninh     |
| 9.Xã Hoà Ninh   | 10.Xã Lân Chỉ  | 11.Trại Cam Giá | 12.Phố Tứ Chiếng |
| 13.Ấp Tứ Chiếng |                |                 |                  |

**3-Tổng Hà Quảng**, 7 xã:

- |                |                |               |                             |
|----------------|----------------|---------------|-----------------------------|
| 1.Xã Hà Quảng  | 2.Xã Quảng Trù | 3.Xã Xuân Trù | 4.Xã Sóc Giang <sup>1</sup> |
| 5.Xã Minh Loan | 6.Xã Hà Gian   | 7.Xã Nà Xác   |                             |

**4-Tổng Tĩnh Oa**, 7 xã, phố:

- |              |                 |               |              |
|--------------|-----------------|---------------|--------------|
| 1.Xã Tĩnh Oa | 2.Xã Linh Hoàng | 3.Xã An Lạc   | 4.Xã Nghi Bó |
| 5.Xã Đại Lai | 6.Xã Bác Xá     | 7.Phố Tĩnh Oa |              |

**5-Tổng Phù Đống**, 8 xã:

- |               |                |                            |               |
|---------------|----------------|----------------------------|---------------|
| 1.Xã Phù Đống | 2.Xã Xuân Nông | 3.Xã Đào Ngạn              | 4.Xã Phù Tang |
| 5.Xã Trùng Hà | 6.Xã Hoà Mục   | 7.Xã Ngọc Phố <sup>2</sup> | 8.Xã Xuân Đào |

**6-Tổng Trung An<sup>3</sup>**, 11 xã, thôn:

- |               |                |                |              |
|---------------|----------------|----------------|--------------|
| 1.Xã Khâu An  | 2.Xã Cảnh Biện | 3.Xã Khiếu Đắc | 4.Xã An Lũng |
| 5.Xã Nậm Thục | 6.Thôn Thượng  | 7.Thôn Trung   | 8.Thôn Nội   |
| 9.Thôn Ngoại  | 10.Thôn Hạ     | 11.Thôn Lũng   |              |

**7-Tổng Trà Lĩnh**, 13 xã, thôn, phố:

- |                 |                |                |                 |
|-----------------|----------------|----------------|-----------------|
| 1.Xã Trà Lĩnh   | 2.Xã Đoài Khôn | 3.Xã Mễ Sơn    | 4.Xã Án Lại     |
| 5.Xã Ca Xuyên   | 6.Xã Trà Sơn   | 7.Xã Thạch Lại | 8.Xã Tĩnh Lãng  |
| 9.Xã Tráng Biên | 10.Xã Hy Lũng  | 11.Thôn Quang  | 12.Phố Trà Lĩnh |
| 13.Phố Án Lại   |                |                |                 |

<sup>1</sup>Xã Sóc Giang: Từ đời Thiệu Trị về trước là xã Sóc Hồng 朔洪. Năm đầu đời Tự Đức (1848) kiêng tên húy tiểu tự của Tự Đức (Hồng Nhậm), đổi là Sóc Giang 朔江.

<sup>2</sup>Xã Ngọc Phố: Đầu đời Tự Đức về trước là xã Kim Phố 金鋪. Từ năm Tự Đức 14 (1861) kiêng chữ Kim (Triệu Tổ nhà Nguyễn), đổi là Ngọc Phố 玉鋪.

<sup>3</sup>Tổng Trung An: Từ đời Minh Mệnh về trước là tổng Hoa Phố 花鋪. Đầu đời Thiệu Trị kiêng húy chữ Hoa, đổi là tổng Trung An 中安.

**8-Tổng Thông Nông**, 12 xã, thôn, phố, động:

- |                 |                   |                  |                   |
|-----------------|-------------------|------------------|-------------------|
| 1.Xã Thông Nông | 2.Xã Lương Y      | 3.Xã Lương Năng  | 4.Xã Đa Năng      |
| 5.Xã Thông Sơn  | 6.Xã An Dương     | 7.Xã Cầm Nông    | 8.Phố Trung Thắng |
| 9.Xã Lang Can   | 10.Động Suối Điều | 11.Động Suối Đáo | 12.Động Môn Độc   |

**Phong tục:**

Trong huyện nhiều người Thổ (Tày) ít người Nùng, người Mán. Hai tổng Nhượng Bạ, Hà Đàm, người Thổ (Tày) biết lễ nhượng, khá quen phong tục người Hoa. Hai xã Vu Thủy, Thọ Cương phần nào có học. Ba tổng Trà Lĩnh, Thông Nông, Trung An quê mùa gần với trung hậu. Ba tổng Hà Quảng, Tĩnh Oa, Phù Đổng nhả nhặn nhưng hơi xảo. Thờ thần thì có miếu Nà Lữ. Thờ Phật có chùa Vu Thủy (xem ở phần ghi về danh thắng). Ngoài ra, các xóm ấp khác chỉ dựng lễ thờ thổ thần, cúng lễ thì chỉ sơ sài hủ lậu. Tục chuộng cúng ma, hàng năm đầu xuân các nhà đều mời thầy mo về cầu an, khi ốm đau bệnh tật cũng mời thầy mo về cầu cúng chữa bệnh. Đàn bà thì càng sùng tín.

**Sản vật:**

Lúa má, hoa lợi và lâm sản cũng giống như các huyện Thạch An, Nguyên Bình (đã ghi ở phần chung toàn phủ). Riêng hoa lợi thì chỉ có ngô là nhiều, trại Cam Giá trồng mía, mắc cọc ở tổng Trà Lĩnh, đào ở xã Đoài Khôn là giống đào ngon. Đá nam châm, gang, sắt ở xã Quảng Trù. Đồ gốm ở xã Nhượng Bạ.

**Khí hậu:**

Giống như các huyện Thạch An, Nguyên Bình (đã ghi ở phần chung toàn phủ).

**Núi sông:**

Núi có 6 dãy. Những núi có tên như các núi Mã Phục, Bình Phong, Phi Sơn, Nha Sơn, Thiên Mã Sơn.

-Một dãy từ ải Long Bang châu Quy Thuận nước Thanh chạy đến xã Hy Lũng chia ra 2 nhánh (núi đá): Nhánh bên trái chạy liền đến núi xã Ngọc Quán huyện Quảng Uyên. Nhánh bên phải chạy qua các xã Thạch Lại, Trà Lĩnh đến núi Mã Phục xã Án Lại. (Tương truyền Nùng Trí Cao đánh nhau với Địch Thanh nhà Tống bị thua trận, chạy về đến núi này thì bị ngã ngựa, nhân đó gọi tên núi là Mã Phục), dài khoảng 40 dặm. Lại chia ra 3 nhánh: một nhánh núi đá chạy dài xuống đến núi xã Bằng Đường huyện Thạch An, một nhánh núi đá chạy đến núi Bình Phong xã Ca Xuyên (vách đá dựng đứng như cái chắn gió nên gọi tên như vậy) chạy liền đến núi xã Thạch Bình huyện Quảng Uyên, khoảng 10 dặm. Một nhánh núi đất chạy đến núi Mã Phi ở thôn Nội xã Cù Sơn (trên đỉnh núi có gò đá có vết xước giống như vết vó ngựa, tương truyền là nơi Nùng Trí Cao cưỡi ngựa bay lên trời, cho nên đặt tên như vậy), chạy liền đến núi xã Ngọc Pha huyện Thạch An, dài khoảng 6 dặm.

-Một dãy núi từ ải Vinh Lao châu Quy Thuận nước Thanh chạy đến xã Khiếu Đắc đến thôn Lũng, chia làm 2 nhánh (núi đá): Nhánh trái chạy qua các thôn Thượng, Nội, Ngoại rồi tan hết ở các xã Mễ Sơn, Trà Sơn, Tráng Biên, Tĩnh Lãng, dài khoảng 150 dặm. Nhánh phải qua các xã An Lung, Xuân Đào, Đào Ngạn, Ngọc Phô, Phù Đổng Trung, Phù Đổng Hạ, đến xã Khâu An thì hết, dài khoảng 130 dặm. Hai nhánh ấy lại sinh thêm 3 nhánh núi đất: một nhánh tách ra ở địa phận xã Phù Đổng chạy xuống các xã Tĩnh Oa, Nghi Bố, An Lạc, đến núi Nha Sơn ở xã Quảng Trù (núi này có đá nam châm, quặng sắt) thì hết, dài khoảng 40 dặm, một nhánh tách ra ở thôn Trung chạy xuống các xã Xuân Nông, Thạch Động, Đại Lai, đến xã Nhượng Bạ thì hết, dài khoảng 40 dặm, một nhánh tách ra ở thôn Hạ chạy xuống các xã Vu Thủy, Thạch Môn, Xuân An, đến xã Cù Sơn, chạy tiếp đến núi xã Xuân Phách huyện Thạch An, dài khoảng 50 dặm.

-Một dãy núi từ ải Bình Mạnh phủ Trấn An nước Thanh chạy đến xã Nà Xác, chia làm 2 nhánh (núi đá): Nhánh bên trái qua các xã An Dương, Xuân Trù, Linh Hoàng, Hà Quảng đến xã Hoà Ninh thì

dùng, dài khoảng 60 dặm. Nhánh bên phải qua các xã Cần Nông, Lương Y, Thông Sơn, Thông Nông, đến xã Lương Can thì dùng, dài khoảng 100 dặm.

-Một dãy núi từ trang Ngọc Mạo huyện Đẻ Định tỉnh Tuyên Quang chạy đến núi đá xã Cần Nông, qua xã Đa Năng đến xã Thông Nông thì hết, dài khoảng 60 dặm.

-Một dãy núi từ xã Triều Vũ huyện Nguyên Bình chạy đến núi Thiên Mã (núi đất) xã Phúc Tạng, tản đi các xã Phúc Cơ, Hà Đàm, Nà Lữ, An Ninh rồi hết, dài khoảng 20 dặm.

-Một dãy núi từ xã Bà Đông huyện Nguyên Bình chạy đến, nhập với núi đá xã Hoà Ninh rồi hết, dài khoảng 15 dặm.

Có 2 sông là sông Mãng và sông Cồn.

-*Sông Mãng* từ ải Bình Mạnh phủ Trấn An nước Thanh đổ xuống theo hướng từ tây sang đông, qua các xã Nà Xác, Sóc Giang, Quảng Trù, Xuân Trù, Linh Hoàng, Bác Xá, Hà Quảng, Minh Loan, Cam Giá, Nhượng Bạ, Thọ Cương, Nà Lữ đến xã Hà Đàm rồi chảy vào sông xã Xuân Lĩnh huyện Thạch An, dài 68 dặm. (Trong đó đoạn từ Nà Xác đến Quảng Trù rộng 5 trượng sâu 3 thước, đoạn từ Xuân Trù đến Hà Quảng rộng 6 trượng 6 thước, sâu 5 thước, đoạn từ Minh Loan đến Cam Giá rộng 8 trượng 2 thước, sâu 6 thước, đoạn từ Nhượng Bạ đến Hà Đàm rộng 13 trượng 8 thước, sâu 5 thước).

Lại có một nhánh từ ải Vinh Lao châu Quy Thuận nước Thanh đổ xuống theo hướng từ tây sang đông, qua các xã Trùng Hà, Hoà Mộc, Phù Tang, Xuân Cư đến xã Quảng Trù hợp với sông Mãng, dài 46 dặm. (Trong đó đoạn từ Trùng Hà đến Phù Tang rộng 2 trượng, sâu 2 thước, đoạn từ Xuân Đào đến Quảng Trù rộng 2 trượng 1 thước, sâu 3 thước).

Lại có một nhánh từ xã Khang Lạc huyện Đẻ Định tỉnh Tuyên Quang chảy xuống theo hướng từ tây sang đông, qua các xã Cần Nông, Lương Y, Thông Sơn, Đa Năng, Thông Nông, Lương Năng, Lương Can chảy sang các xã Trùng Khôn, Bà Đông huyện Nguyên Bình, lại chuyển theo hướng các xã Hoà Ninh, An Ninh, Hội Khê đến trại Cam Giá hợp với sông Mãng, dài 63 dặm. (Trong đó đoạn từ Cần Nông đến Lương Can rộng 2 trượng 3 thước, sâu 3 thước, đoạn từ Hoà Ninh đến Cam Giá rộng 3 trượng, sâu 4 thước).

Lại có một nhánh bắt nguồn từ núi đá xã Phù Đống, chảy từ bắc xuống nam, qua các xã Tĩnh Oa, Đại Lai đến xã Bác Xá hợp với sông Mãng, dài 42 dặm. (Trong đó đoạn từ Phù Đống đến Tĩnh Oa rộng 2 trượng sâu 4 thước, đoạn từ Đại Lai đến Bác Xá rộng 2 trượng 2 thước, sâu 5 thước).

-*Sông Cồn*: Bắt nguồn từ núi đá xã Tráng Biên, chảy theo hướng tây bắc sang đông qua các xã thôn Tĩnh Lãng, Trà Lĩnh, Quang thôn, Cảnh Biện đến xã Khâu An, chảy vào sông xã Ngọc Pha huyện Thạch An, dài 50 dặm. (Trong đó đoạn từ Tráng Biên đến thôn Quang rộng 2 trượng, sâu 2 thước, đoạn từ Cảnh Biện đến Khâu An rộng 2 trượng 5 thước, sâu 3 thước).

### **Danh thắng:**

-Thành cổ Nà Lữ: Tương truyền do Đô hộ Cao Biên cho đắp vào khoảng năm Hàm Thông (860-873) thời thuộc Đường. Sau lưng là núi, trước mặt là sông. Gạch đá xây cửa thành và chân thành đến nay vẫn còn. Xưa, vua Lê Thái Tổ đi đánh Khắc Thiệu<sup>1</sup>, dừng đóng quân tại đây. Nay trong thành có miếu thờ phụng (4 toà thượng, hạ, tả, hữu), được ghi vào Tự điển (sổ thờ cúng).

-Chùa cổ Vu Thủy: chùa ở sườn núi giống hình con lân. Tục gọi là chùa Đống Lân (2 toà lợp ngói). Hàng năm mở hội chùa vào ngày mồng 9 tháng giêng.

<sup>1</sup>Khắc Thiệu, tức Bé Khắc Thiệu, tù trưởng ở Cao Bằng, khoảng đầu niên hiệu Thuận Thiên (1428-1433) làm phản.

-Thơ tạc trên Đá núi Hoà Ninh: Núi đá đáng đẹp nhọn đứng, tiếng Thổ (Tày) gọi là Ba Tiêm (quốc âm gọi là *núi Nhọn*), phía dưới là sông Mãng bao quanh. Xưa, vua Lê Thái Tổ đem quân đi đánh Khắc Thiệu dẹp tan được, khắc thơ vào đá núi để ghi công<sup>1</sup>. Thơ rằng:

*Phiên âm:*

Bát từ vạn lý chinh sư đồ,  
Đản nguyện biên phương xích tử tô.  
Thiên địa khảng dung gian đảng tại,  
Cổ kim thù xá bạn thân chu.  
Trung lương tự khả ưng đa phúc,  
Bạo bội chung nan bảo nhất khu.  
Đái lệ bất vong thân tử tiết,  
Danh thù vạn cổ dữ sơn cầu.

*Dịch:*

Chẳng nề vạn dặm quyết ra quân,  
Chỉ muốn biên phương cứu sống dân.  
Trời đất chẳng dung quân phản tặc,  
Xưa nay ai xá tội gian thân?  
Trung lương ắt được ban nhiều phúc,  
Bạo nghịch khôn dung giữ chiếc thân.  
Dồi mài không đổi tiết thân tử,  
Danh cùng núi ấy mãi muôn năm.

Nay chữ vẫn còn.

-Động Thông Thiên núi Trà Lĩnh: phía đông bắc núi đá có 3 cái hang rộng 3-4 thước, các hang đều thông với nhau, dài 60 trượng. Xung quanh là vách đá dựng đứng, ở giữa có một cái giếng tròn, rộng 2 trượng 4 thước, sâu không đáy. Nước giếng rất trong, quanh năm không cạn. Phía trên giếng có một lỗ thông thiên, rộng 5-6 thước, mặt trời trăng sao rọi xuống, nước giếng sáng long lanh rất đẹp. Tiếng Thổ (Tày) gọi là *ang nãm* (quốc âm là *chậu nước*).

**Đường đi:**

-Một đường lớn từ phủ lý đi về phía đông, qua xã Vu Thủy đến xã Cù Sơn giáp giới huyện Thạch An, dài 3 dặm 7 trượng.

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía tây bắc, qua các phố Tứ Chiếng, Trung Thăng đến xã Càn Nông giáp giới huyện Đẻ Định tỉnh Tuyên Quang, dài 72 dặm.

Lại một đường từ phố Tứ Chiếng đi về phía tây, qua các xã Quảng Trù, Sóc Giang đến xã Nà Xác giáp ải Bình Mạnh phủ Trấn An dài 50 dặm 52 trượng.

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía tây nam, qua các xã Nà Lư, Phúc Tăng đến động Lân Chỉ giáp giới huyện Nguyên Bình, dài 20 dặm.

<sup>1</sup>ĐNNTC có ghi dòng lạc khoản của bài thơ này: Thuận Thiên tứ niên Tân hội chính nguyệt nhị thập nhật đề 順天四年辛亥正月二十日題 Đề ngày 20 tháng giêng năm Tân hội niên hiệu Thuận Thiên thứ 4 (1431).

## HUYỆN THẠCH AN

Huyện Thạch An<sup>1</sup> do phủ Hoà An thống hạt. Lỵ sở tạm thời của huyện tiếp giáp phía đông thành tỉnh. Vào năm Minh Mệnh thứ 14 (1833) huyện lỵ đặt tại xã Ngọc Pha tổng Ngọc Pha. Năm Tự Đức thứ 11 (1858) dời đến thôn Cam Mỹ. Từ năm thứ 15 (1862) đến năm thứ 25 (1872) từng bị "phỉ" quấy nhiễu, huyện nha dời chuyển thất thường. Năm thứ 26 (1872) tạm đóng huyện lỵ ở địa điểm nói trên. Xung quanh huyện lỵ trồng rào tre, chưa đắp sửa thành, hào.

Huyện hạt phía đông giáp huyện Quảng Uyên, phía nam giáp huyện Thất Khê tỉnh Lạng Sơn, phía tây và phía bắc đều giáp huyện Thạch Lâm.

Đông tây cách nhau 32 dặm. Nam bắc cách nhau 72 dặm.

Số lính theo sổ hiện tại: 34 người.

Nhân số các hạng theo sổ cũ: 1.922 người. Hiện có 586 người.

Thuế:

-Nộp bằng tiền: 570 quan 7 tiền.

-Biệt nạp bằng bạc: 42 lạng 5 đồng cân.

Ruộng đất:

-Ruộng đất các hạng, theo sổ cũ: 6.871 mẫu 2 sào 6 thước 4 tấc 5 phân.

-Hiện khai khẩn: 3.013 mẫu 3 sào 14 thước 1 tấc.

Thuế ruộng:

-Nộp bằng thóc: 916 hộc 20 bát 9 vốc 3 nắm.

-Nộp bằng tiền: 466 quan 9 tiền 41 đồng tiền.

Thuế sắt đồng nam nộp bằng bạc: 4 lạng 5 tiền.

Thuế mỏ vàng Vĩnh Giang lệ cũ 3 lạng. Thuế mỏ vàng Tĩnh Đà lệ cũ 2 lạng 5 tiền. Thuế mỏ vàng Phú Nội lệ cũ 30 lạng. Nhưng các mỏ ấy hiện nay đã đóng cửa.

Huyện có 7 tổng:

**1-Tổng Lãn Sơn**<sup>2</sup>, 11 xã, thôn, phố, trại:

- |                           |                              |                              |              |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------|
| 1.Xã Lãn Sơn <sup>3</sup> | 2.Xã Gia Cung                | 3.Xã Mỹ Sơn                  | 4.Xã Cổ Vũ   |
| 5.Xã Vân Du               | 6.Thôn Cam Mỹ                | 7.Phố Lương Mã               | 8.Phố Mục Mã |
| 9.Trại Suối Hân           | 10.Trại Suối Lai (đã hết sổ) | 11.Trại Suối Lái (đã hết sổ) |              |

**2-Tổng Tượng Yên**, 12 xã, trại:

- |                             |                 |                 |                |
|-----------------------------|-----------------|-----------------|----------------|
| 1.Xã Tượng Yên              | 2.Xã Hàm An     | 3.Xã Bắc Lục    | 4.Xã Hà Hoàng  |
| 5.Xã Tân Trại               | 6.Xã Thắng Khâu | 7.Xã Bằng Đường | 8.Xã Tượng Cần |
| 9.Xã Xuân Phách             | 10.Xã Tiên Động | 11.Xã Ninh Lạc  |                |
| 12.Trại Nà Lược (đã hết sổ) |                 |                 |                |

**3-Tổng Phục Hoà**, 7 xã, phố, trại:

- |                             |                |                 |                |
|-----------------------------|----------------|-----------------|----------------|
| 1.Xã Phục Hoà               | 2.Xã Bút Phong | 3.Xã Xuân Quang | 4.Xã Tiên Giao |
| 5.Xã Sầm Xuyên <sup>4</sup> | 6.Phố Bằng Lâu | 7.Trại Can Kham |                |

<sup>1</sup>Huyện Thạch An: 石安縣: Nguyên là đất châu Thạch Lâm thuộc phủ Cao Bằng. Năm Minh Mệnh 16 (1835) tách châu Thạch Lâm thành 2 huyện Thạch Lâm và Thạch An đặt thuộc phủ Hoà An. Nay thuộc huyện Hoà An tỉnh Cao Bằng.

<sup>2</sup>Xem chú sát dưới.

<sup>3</sup>Tổng và xã Lãn Sơn 懶山: Đầu Nguyễn về trước là tổng và xã Lại Sơn.

<sup>4</sup>Xã Sầm Xuyên: Từ đời Minh Mệnh về trước là xã Sầm Tuyên 岑泉. Năm đầu Thiệu Trị (1841) kiêng đồng âm

**4-Tổng Thượng Pha**, 6 xã, bang:

- |                           |                               |               |                            |
|---------------------------|-------------------------------|---------------|----------------------------|
| 1.Xã Thượng Pha           | 2.Xã Hạ Pha                   | 3.Xã Mai Lũng | 4.Xã Xuân Hoà <sup>1</sup> |
| 5.Xã Bó Bạch <sup>2</sup> | 6.Bang Quảng Đông (đã hết số) |               |                            |

**5-Tổng Ngọc Pha**<sup>3</sup>, 14 xã, phố, trại:

- |                                      |                |                 |                             |
|--------------------------------------|----------------|-----------------|-----------------------------|
| 1.Xã Ngọc Pha <sup>4</sup>           | 2.Xã Bắc Sơn   | 3.Xã Phúc Ứng   | 4.Xã Nhã Nam                |
| 5.Xã Bằng Lũng                       | 6.Xã Bằng Giản | 7.Xã Tung Cao   | 8.Xã Phú Thứ                |
| 9.Xã Hà Trì                          | 10.Xã Nga Chỉ  | 11.Xã Thơm Ban  | 12.Xã Ngọc Trì <sup>5</sup> |
| (Trở xuống là các xã, phố đã hết số) |                | 13.Phố Nậm Năng | 14.Trại Mang Lai            |

**6-Tổng Suất Tính**, 14 xã, phố, trại:

- |   |                 |                           |                    |
|---|-----------------|---------------------------|--------------------|
| 1.Xã Suất Tính                            | 2.Xã Nội Chiếm  | 3.Xã Cao Môn <sup>6</sup> | 4.Xã Bắc Khê       |
| 5.Xã Lâm Xuyên                            | 6.Xã Đường Âm   | 7.Xã Tĩnh Đà              |                    |
| 8.Xã Thanh Xuyên <sup>7</sup> (đã hết số) |                 | 9.Xã Phú Bắc              |                    |
| 10.Phố Áng Mò (đã hết số)                 |                 | 11.Phố Bắc Cung           | 12.Động Suối Tranh |
| 13.Động Suối Ải                           | 14.Động Muội Vu |                           |                    |

**7-Tổng Giang Ngô**, 17 xã, phố, bang, trại:

- |                                   |                 |                           |                   |
|-----------------------------------|-----------------|---------------------------|-------------------|
| 1.Xã Giang Ngô                    | 2.Xã Tục Mỹ     | 3.Xã Cản Phán             | 4.Xã Đào Ninh     |
| 5.Xã Vĩnh Sơn                     | 6.Xã Yên Dương  | 7.Phố Nà Lạn (đã hết số). |                   |
| 8.Bang Quảng Tây (đã hết số).     |                 | 9.Trại Lũng Lâu           | 10.Trại Bắc Phách |
| 11.Trại Nà Trinh                  | 12.Trại Nà Lạn  | 13.Trại Lũng Xuyên        |                   |
| (Trở xuống là các trại đã hết số) |                 | 14.Trại Dạ Lung           | 15.Trại Cốc Khâu  |
| 16.Trại Vu Tật                    | 17.Trại Can Mộc |                           |                   |

**Phong tục:**

Trong huyện nhiều người Thổ (Tày), ít người Nùng, người Mán. Hai tổng Lãn Sơn, Tượng Yên gần thành tỉnh, người Thổ (Tày) khá quen phong tục của người Hoa, trong đó có những nơi có học như các xã phố: Lương Mã, Mục Mã, Cam Mỹ, Gia Cung (thuộc tổng Lãn Sơn), Tượng Cản, Xuân Phách, Hà Hoàng, Tân Trại (thuộc tổng Tượng Yên). Các tổng Suất Tính, Ngọc Pha thì quê mùa, gần mức đôn hậu, mà xã Ngọc Pha thì lại có học. Các tổng Giang Ngô, Phục Hoà, Thượng Pha vô lễ mà ham tranh giành, xã Tiên Giao thì rất thích kiện tụng. Còn việc thờ thần thì có miếu Sầm Sơn (xem phần danh

tên húy vua Thiệu Trị, đổi là Sầm Xuyên 岑川).

<sup>1</sup>Xã Xuân Hoà: Từ đời Minh Mệnh về trước là xã Thì Hoà時和, từ 1848 kiêng tên húy vua Tự Đức, đổi là Xuân Hoà 春和.

<sup>2</sup>Xã Bó Bạch: Từ đời Minh Mệnh về trước là xã Bó Tuyên 布泉. Năm đầu niên hiệu Thiệu Trị (1841) kiêng đồng âm tên húy vua Thiệu Trị, đổi là Bó Bạch 布帛.

<sup>3</sup>Xem chú sất dưới.

<sup>4</sup>Tổng và xã Ngọc Pha: Từ 1860 về trước là tổng và xã Kim Pha 金坡, từ năm Tự Đức 14 (1861) kiêng đồng âm chữ Kim (tên húy Triệu Tổ nhà Nguyễn), đổi là Ngọc Pha 玉坡.

<sup>5</sup>Xã Ngọc Trì: Từ 1860 về trước là tổng và xã Kim Trì 金峙, từ năm Tự Đức 14 (1861) kiêng đồng âm chữ Kim (tên húy Triệu Tổ nhà Nguyễn), đổi là Ngọc Trì 玉峙.

<sup>6</sup>Xã Cao Môn: Từ đầu Nguyễn trở về trước là xã Hoa Môn 華門. Đầu đời Thiệu Trị kiêng húy chữ Hoa (tên húy mẹ vua Thiệu Trị), đổi là Cao Môn 高門.

<sup>7</sup>Xã Thanh Xuyên: Từ 1860 về trước là tổng và xã Kim Xuyên 金川, từ năm Tự Đức 14 (1861) kiêng đồng âm chữ Kim (tên húy Triệu Tổ nhà Nguyễn), đổi là Thanh Xuyên 清川.

thắng), phố Lương Mã, phố Mộc Mã có miếu Quan Đế. Thờ Phật thì có chùa Xuân Lĩnh (xem phần danh thắng), chùa Cao Phụng. Ngoài ra thì ở các xóm, áp chỉ dựng lều cỏ thờ thổ thần. Tập tục tin mo then cúng bái, cũng giống như huyện Thạch Lâm.

#### **Sản vật:**

Thóc lúa, hoa lợi và sơn lâm sản thì cũng giống như hai huyện Thạch Lâm, Nguyên Bình (xem phần ghi chung toàn phủ). Lâm phận tổng Suất Tính có sa nhân, trại Bác Phách trồng mía. Tổng Thượng Pha có mắc cộc thơm ngon. Tổng Suất Tính có nghề làm chiếu trúc (do ở tỉnh không có cây cối, phần nhiều dùng tre làm chiếu). Xã Ninh Lạc có mỏ sắt, các xã Vĩnh Giang, Tĩnh Đà, Phú Nội có mỏ vàng.

#### **Khí hậu:**

Giống hai huyện Thạch Lâm, Nguyên Bình (xem phần ghi chung toàn phủ).

#### **Sông núi:**

Có 5 dãy núi, trong đó những núi có tên như núi Sầm Sơn, Hoàng Sơn, Luân Sơn, Uy Sơn, Kê Minh, Tam Đầu, Long Hàm.

-Một dãy núi từ núi xã Bằng Đức huyện Nguyên Bình chạy đến núi Uy Sơn (núi đất) xã Nội Chiếm. Các nhánh nhỏ của núi này chạy tản đến các tổng Ngọc Pha, Thượng Pha, Giang Ngô. Xã Phú Thứ có núi Luân Sơn (núi đất to cao nhất, là một trong 4 núi "Tứ trụ" của tỉnh). Ở địa phận giáp ba xã Giang Ngô, Yên Dương, Xuân Hoà có núi Kê Minh (là núi đất. Tương truyền là nơi tướng nhà Mạc bị quân nhà Lê đánh bại, luôn đem chạy đến núi này, nghe trong thôn có tiếng gà gáy nên đặt tên như vậy). Núi này chỗ cao chỗ thấp liên tiếp với nhau, xen nhau cả núi đất và núi đá. Phía nam núi tiếp giáp huyện Thất Khê tỉnh Lạng Sơn. Phía đông núi chạy đến trại Nà Lạn rồi chạy sang châu Hạ Đống nước Thanh. Tính chung từ Nội Chiếm đến Nà Lạn dài khoảng 130 dặm.

-Một dãy núi từ núi xã Bằng Đức huyện Nguyên Bình chạy đến núi đất thôn Hu xã Nội Chiếm, qua các xã Phú Bắc, Lâm Xuyên, đến xã Suất Tính thì dừng, dài khoảng 50 dặm.

-Một dãy từ núi xã Mang Động huyện Nguyên Bình chạy đến núi đất xã Văn Du, đến xã Cổ Vũ có núi Tam Đầu (trên núi có 3 ngọn cao cho nên gọi thế), lại chạy qua xã Thắng Khâu đến xã Hà Hoàng thì hết, dài khoảng 50 dặm.

-Một dãy từ núi xã Cù Sơn huyện Thạch Lâm chạy đến núi Long Hàm (núi đất, có tảng đá giống hàm con rồng nên gọi thế) ở xã Xuân Phách, qua núi Sầm xã Tượng Cần (núi đất cao to nhất, là một trong bốn núi "Tứ trụ" của tỉnh, dưới núi có miếu thờ Nùng Trí Cao) đến xã Gia Cung thì hết, dài khoảng 15 dặm.

-Một dãy từ núi xã Án Lại huyện Thạch Lâm chạy đến núi đá xã Bằng Đường, nối liền xuống núi xã Đa Tốn huyện Quảng Uyên, dài khoảng 10 dặm. Lại một nhánh từ chỗ giáp núi Cù Sơn ở thôn Nội xã Án Lại, chạy đến núi Hoàng xã Ngọc Pha (núi đất, rất cao to, là một trong bốn núi tứ trụ của tỉnh) qua xã Nga Chỉ đến xã Hà Trì thì hết, dài khoảng 20 dặm.

Sông có 3 sông: sông Mãng, sông Hiến và sông Cồn.

-*Sông Mãng*: từ xã Hà Đàm huyện Thạch Lâm đổ xuống theo hướng từ tây sang đông, qua các xã Xuân Lĩnh, Tân Trại, Hà Hoàng, Xuân Phách, Tượng Cần, Gia Cung, Ngọc Pha, Nga Chỉ, Xuân Quang, Sầm Xuyên, Phục Hoà, Tục Mỹ, đến xã Cần Phán, chảy thông đến cửa Thủy Khẩu thuộc Long Châu nước Thanh, dài 95 dặm. Trong đó giang phận Xuân Lĩnh sâu 7 trượng (tục gọi là *Đầm Chuông*). Đoạn từ Tân Trại đến Ngọc Pha sâu 6 thước, trong đó có 5 bãi nổi, khi nước cạn có thể lội qua. Đoạn từ Nga Chỉ đến Sầm Xuyên sâu 1 trượng. Đoạn từ Phục Hòa đến Cần Phán sâu 2 trượng, rộng 15 trượng.

-*Sông Hiến*: từ xã Mang Động, huyện Bình Nguyên đổ xuống theo hướng từ tây sang đông, qua các xã Cổ Vũ, Tượng Yên, Ninh Lạc đến xã Gia Cung, hợp dòng với sông Mãng, dài 22 dặm (rộng 7 trượng 5 thước, sâu 5 thước). Lại một nhánh bắt nguồn từ núi xã Tinh Đà, một nhánh từ sông xã Bằng Đức huyện Nguyên Bình, hai nhánh hợp vòng đai ở xã Nội Chiếm, rồi chảy theo hướng từ tây nam lên bắc, qua các xã Lâm Xuyên, Thanh Xuyên, Suất Tính đến xã Cổ Vũ hợp dòng với sông Hiến, dài 64 dặm. Trong đó đoạn từ Nội Chiếm đến Phú Bắc rộng 1 trượng 5 thước, sâu 2 thước. Đoạn từ Lâm Xuyên đến Cổ Vũ rộng 2 trượng 2 thước, sâu 3 thước.

-*Sông Côn*: từ xã Khâu An huyện Thạch Lâm đổ xuống theo hướng từ bắc xuống nam, đến xã Ngọc Pha hợp với sông Mãng, dài 22 dặm rộng 2 trượng 7 thước, sâu 4 thước.

### **Danh thắng:**

-*Thành cổ Phục Hoà*: Tương truyền thành do Đô hộ Cao Biền xây đắp năm Hàm Thông (860-873) thời thuộc Đường. Trước thành là sông, sau lưng là núi, địa thế rất đẹp. Gạch đá xây chân thành nay vẫn còn.

-*Miếu Sâm Sơn*: Miếu ở chân núi Sâm xã Tượng Cần. Tương truyền đời Lý, Nùng Trí Cao người huyện Quảng Uyên, đem quân đi đánh nước Tống, lấy được hai châu Ung, Hoàn, sau bị Địch Thanh nhà Tống đánh bại, cuội ngựa quay về đây, rồi bay lên không mà thoát hoá. Nguyên ngày trước miếu ở trên đỉnh núi, dân xã lên tế lễ không thuận tiện nên cầu thần xin cho di chuyển, bỗng nhiên thấy một tấm tranh từ trên mái miếu bay xuống chân núi, dân xã bèn dựng miếu ở nơi đó. Hiện nay miếu vũ (lợp ngói) nguy nga, linh thiêng hiển ứng. Phàm quan tỉnh đến cầu mưa, dân chúng đến cầu phúc không điều gì không linh ứng, quả là ngôi đền thiêng liêng nhất trong tỉnh. Hàng năm vào mùa xuân mồng mười tháng giêng, trai gái xa gần nô nức đến chiêm bái, nhân đó mở hội vui chơi ca hát.

-*Chùa Xuân Lĩnh*: Tên chữ là chùa Viên Minh. Tương truyền xưa có hai quả chuông, một quả là chuông trống (hùng), một quả là chuông mái (thư). Khi nhà Mạc chiếm cứ vùng này, ban đêm chuông ấy thường từ đầm sông Mãng đánh nhau với thủy thần. Có một đêm ở chỗ đầm sông nghe tiếng chuông và tiếng nước kêu gầm chấn động. Sáng sớm ra xem thấy mất quả chuông trống, không ai lấy, nhân đó gọi chỗ đầm sông đó là *Đầm Chuông*. Ba năm sau có thương nhân người Thanh nói người ta tìm được ở bờ sông phủ Thái Bình một quả chuông lớn không có xi đầu<sup>1</sup>, trên thân chuông có khắc 4 chữ "Viên Minh tự chung". Hỏi quan trấn thì được biết sư chùa Viên Minh đã sang tận nơi thăm dò thì quả đúng như thế. Nay tại chùa quả chuông mái vẫn còn. Theo cổ tục, hàng năm đến ngày 10 tháng giêng chùa mở hội lớn. Nhưng sau binh lửa quy mô lễ hội không được như trước nữa.

### **Đường đi:**

-Một đường quan báo từ huyện lỵ đi về phía nam qua 2 trạm Cao Phúc, Cao Nhã đến đỉnh núi Chung Sơn giáp giới huyện Thất Khê tỉnh Lạng Sơn, dài 43 dặm.

Lại một đường nhỏ từ trạm Cao Phúc đi về phía đông nam, qua phố Thơm Ban đến trại Nà Lạn giáp giới châu Hạ Đống nước Thanh, dài 45 dặm 12 trượng.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía nam, qua Suất Tính đến xã Cao Môn giáp huyện Cẩm Hóa tỉnh Thái Nguyên, dài 100 dặm.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây, qua sông Hiến đến xã Hoàng Hà giáp giới huyện Thạch Lâm, dài 4 dặm.

<sup>1</sup>Xi đầu 螞頭: Bộ phận trang trí hình đầu con xi kiem làm lỗ treo đúc ở trên chóp chuông (xi 螞 là con rồng không sừng trong thần thoại).

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông, qua sông Mãng, đến xã Ngọc Pha giáp địa giới huyện Thạch Lâm, dài 4 dặm.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây nam, qua xã Lãn Sơn đến xã Vân Du giáp huyện Nguyên Bình dài 38 dặm.

## HUYỆN NGUYÊN BÌNH

Nguyên Bình<sup>1</sup> là huyện thống hạt của phủ Hoà An. Năm Tự Đức thứ 27 (1874) vâng mệnh mới đặt.

Huyện hạt ở phía tây nam thành tỉnh. Huyện lỵ tạm đặt ở phố Ngân Sơn xã Vân Tông tổng Thượng Quan (cách thành tỉnh 75 dặm).

Huyện hạt phía đông giáp huyện Thạch An, phía tây giáp châu Bạch Thông tỉnh Thái Nguyên, phía nam giáp huyện Cẩm Hóa tỉnh Thái Nguyên, phía bắc giáp huyện Thạch Lâm.

Đông tây cách nhau 43 dặm. Nam bắc cách nhau 85 dặm.

Số lính theo sổ hiện tại: 2 người (do phía nam huyện từng bị phí quấy nhiễu, chưa chọn thêm, còn sổ cũ bao nhiêu không rõ).

Nhân số các hạng theo sổ cũ: 595 người. Hiện có 184 người.

Thuế:

-Nộp bằng tiền: 178 quan 1 tiền.

-Thuế biệt nạp (bằng bạc): 34 lạng.

-Thuế sắt rèn (nộp thay bằng bạc): 25 lạng 2 tiền.

Ruộng đất:

-Ruộng đất các hạng, theo sổ cũ: 1.953 mẫu 2 sào 13 thước.

-Hiện khai khẩn: 678 mẫu 8 sào 6 thước.

Thuế ruộng:

-Nộp bằng thóc: 167 hộc 34 bát 8 vốc.

-Nộp bằng tiền: 113 quan 5 tiền.

Thuế mỏ thiếc Vụ Nông thu bằng thiếc trắng 100 cân.

Thuế mỏ bạc Ngân Sơn nguyên ngạch 370 lạng. Hiện thu 100 lạng.

Thuế mỏ vàng Thuận Mang nguyên ngạch 13 lạng. Nay đã đóng mỏ.

Huyện có 4 tổng:

**1-Tổng Cẩm Lý**, 6 xã:

1.Xã Cẩm Lý

2.Xã Xuân Hoảng

3.Xã Kế Môn

4.Xã Mang Động

5.Xã Lương Trà

6.Xã Bốc Thượng

**2-Tổng Thượng Quan**, 8 xã, trang:

1.Xã Thượng Quan

2.Xã Vân Tông

3.Xã Thượng Ân

4.Xã Cốc Đán

5.Xã Hương Nè<sup>2</sup>

6.Xã Bằng Đức

7.Xã Thuận Mang

8.Trang Bình Lãng

**3-Tổng Gia Bằng**, 5 xã:

<sup>1</sup>Huyện Nguyên Bình 原平縣: Huyện mới đặt năm Tự Đức thứ 27 (1874) do đất của huyện Thạch Lâm và 2 tổng Thượng Quan, Kim Mã trước thuộc huyện Cẩm Hoá tỉnh Thái Nguyên cắt sang. Nay là các huyện Ngân Sơn, Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng.

<sup>2</sup>Xã Hương Nè: Từ đầu Nguyễn trở về trước là xã Hoa Nè 花泥. Đầu đời Thiệu Trị kiêng húy chữ Hoa, đổi là Hương Nè 香泥.

1.Xã Gia Bằng  
5.Xã Triều Vũ

2.Xã Bà Đông

3.Xã Bình Lãng

4.Xã Trùng Khôn

**4-Tổng Kim Mã**, 6 xã:

1.Xã Kim Mã

2.Xã Tam Lộng

3.Xã Vụ Nông

4.Xã Hoàn Mô<sup>1</sup>

5.Xã Linh Quang

6.Xã Linh Mai

**Phong tục:**

Trong hạt người Thổ (Tày) ít, người Mán nhiều. Người tổng Kim Mã chất phác, đôn hậu, xẩy khi có giặc dã thì cố kết với nhau chống cự, không hàng giặc, đáng coi là hiếu nghĩa. Người tổng Thượng Quan hung hãn, gian trá. Tổng Gia Bằng thì xã Gia Bằng có phần xảo trá. Tổng Cẩm Lý thì xã Kế Môn hơi hung hãn. Còn nữa thì đều thật thà chất phác. Trong các xóm ấp chỉ dựng lều cỏ thờ thổ thần, mà không có đình thờ thần, cũng không có chùa thờ Phật. Tục thích then mo cúng bái, cũng gần giống hai huyện Thạch An, Thạch Lâm.

**Sản vật:**

Thóc lúa, hoa màu, sơn lâm sản cũng như hai huyện Thạch An, Thạch Lâm (xem ở phần ghi chung toàn phủ). Duy có ngô và củ nâu tương đối nhiều. Mắc coọc thì các tổng đều có, nhưng vị nhạt. Xã Vân Tông, xã Thượng Quan có mỏ bạc, xã Thuận Mang có mỏ vàng, xã Vụ Nông có mỏ thiếc.

**Khí hậu:**

Giống hai huyện Thạch An, Thạch Lâm, xem phần ghi chung toàn phủ.

**Núi sông:**

Có 2 dãy núi, trong đó có tên như các núi: Liêu Sơn, Ba Ngân, Ngưu Giác, Giảng Sơn, Mai Sơn.

-Một dãy từ núi Hoắc Sơn huyện Cẩm Hóa tỉnh Thái Nguyên chạy đến núi đá xã Tam Lộng, qua các xã Hoàn Mô, Vụ Nông đến xã Linh Mai, dài khoảng 20 dặm. Tiếp đó chia làm 2 nhánh. Một nhánh là núi đá qua các xã Gia Bằng, Trùng Khôn đến xã Bà Đông chạy xuống nối liền với núi xã Hoà Ninh huyện Thạch Lâm, dài khoảng 40 dặm. Một nhánh là núi đất chạy qua các xã Xuân Hoảng, Lương Trà, Kế Môn đến núi Liêu ở xã Triều Vũ (núi đất rất cao lớn, là một trong bốn núi "tứ trụ" của tỉnh) kéo liền xuống núi xã Phúc Tăng huyện Thạch Lâm, dài khoảng 36 dặm. Lại chia ra một nhánh (núi đất) ở xã Kế Môn đến xã Mang Động chạy liền xuống núi xã Vân Du huyện Thạch An, dài khoảng 10 dặm.

-Một dãy từ núi Hoắc Sơn huyện Cẩm Hóa tỉnh Thái Nguyên chạy đến núi Ba Ngân (núi đất) ở xã Cốc Đán chia làm 3 nhánh. Một nhánh (núi đất) qua các xã Hương Nê, Bình Lãng đến xã Đòn Mang. Lại chuyển nhập xã Kim Hỷ huyện Cẩm Hóa, dài khoảng 60 dặm. Một nhánh (núi đá lẫn đất) qua núi Ngưu Giác xã Vân Tông (hai đỉnh trên núi có vách đá giống hình sừng bò cho nên gọi như vậy) đến xã Bằng Đức, chạy liền xuống núi xã Nội Chiếm, dài khoảng 50 dặm. Một nhánh núi đất chạy từ núi Giảng Sơn ở địa phận hai xã Thượng Ân, Kim Mã đến xã Bằng Đức, dài khoảng 40 dặm. Lại từ địa phận xã Bằng Đức chia làm 2 nhánh: một nhánh núi đất chạy liền xuống núi xã Nội Chiếm huyện Thạch An, một nhánh chạy qua núi Mai Sơn ở địa phận hai xã Cẩm Lý, Mang Động đến xã Bốc Thượng thì hết, dài khoảng 40 dặm.

Sông có 3 dòng:

-Một dòng sông từ núi Hoắc Sơn tỉnh Thái Nguyên chảy xuống theo hướng từ bắc xuống nam, qua các xã Tam Lộng, Kim Mã, Xuân Hoảng, Cẩm Lý đến sông Hiến xã Mang Động chảy thông sang xã Cổ Vũ huyện Thạch An, dài 30 dặm. (Trong đó đoạn từ Tam Lộng đến Xuân Hoảng rộng khoảng 2 trượng, sâu 3-4 thước không bằng đoạn từ xã Cẩm Lý đến Mang Động rộng 6 trượng, sâu 4 thước).

<sup>1</sup> Xã Hoàn Mô 宏模, chữ Hoàn, ngv. chép, không thật chuẩn nét.

-Một dòng sông bắt nguồn từ núi xã Vụ Nông chảy đến theo hướng từ tây bắc sang đông, qua các xã Hoàn Mô, Linh Quang đến xã Trùng Khôn hợp lưu với sông xã Lương Can huyện Thạch Lâm. Lại qua xã Bà Đông thông với sông xã Hoà Ninh huyện Thạch Lâm, dài 30 dặm. (Trong đó đoạn từ Hoàn Mô đến Linh Quang rộng 1 trượng 8 thước, sâu 2 thước, đoạn từ Trùng Khôn đến Bà Đông rộng 2 trượng 5 thước, sâu 4 thước).

-Một dòng sông bắt nguồn từ núi Ngân Sơn chảy từ tây sang đông qua các xã Vân Tông, Bằng Đức thông đến sông xã Nội Chiêm huyện Thạch An, dài 35 dặm (rộng 1 trượng, sâu 3 thước).

#### **Danh thắng:**

Trong huyện không có nơi nào đáng kể là danh thắng.

#### **Đường đi:**

-Một đường từ huyện lỵ đi về phía đông, qua xã Bằng Đức đến xã Mang Động giáp giới huyện Thạch An, dài 60 dặm.

-Một đường từ huyện lỵ đi về phía bắc, qua các xã Thượng Ân, Linh Quang, Linh Mai, đến xã Gia Bằng giáp huyện Thạch An, dài 84 dặm.

-Một đường từ huyện lỵ đi về phía nam, qua xã Vân Tông đến xã Hương Nè giáp huyện Cẩm Hoá tỉnh Thái Nguyên, dài 5 dặm 35 trượng.

-Một đường từ huyện lỵ đi về phía tây bắc đến các xã phố Cốc Đán, Bắc Bàn đến xã Bình Lăng bên phải giáp huyện Thạch Lâm, bên trái giáp huyện Đẻ Định tỉnh Tuyên Quang, dài 82 dặm.

## PHỦ TRÙNG KHÁNH

Phủ Trùng Khánh<sup>1</sup> ở phía đông bắc thành tỉnh. Phủ kiêm lý huyện Thượng Lang, thống hạt 2 huyện Hạ Lang và Quảng Uyên.

Phủ lỵ đặt ở địa phận xã Hiếu Lễ tổng Lăng Yên huyện Thương Lang, cách thành tỉnh 82 dặm. Nguyên trước ở đây là huyện lỵ huyện Thượng Lang, ngày tháng 8 năm Tự Đức thứ 27 (9-1874) vàng mệnh đổi làm phủ lỵ.

Thành phủ hướng về phía bắc, mặt trước xây đá, ba mặt trái, phải, sau đắp đất. Mỗi mặt cao 4 thước, dày 3 thước 5 tấc. Chu vi 36 trượng 8 thước. (Các mặt trước, sau, phải trái mỗi mặt 9 trượng 2 thước). Mở 2 cửa thành ở trước và sau. Riêng mặt trước có hào, rộng 5 thước, sâu 3 thước.

Phủ hạt phía đông giáp châu Hạ Lôi nước Thanh, phía tây giáp giới huyện Thạch Lâm, phía nam giáp giới châu Thượng Long nước Thanh, phía bắc giáp giới châu Quy Thuận nước Thanh.

Đông tây cách nhau 103 dặm. Nam bắc cách nhau 101 dặm.

Số lính theo sổ hiện tại: 159 người.

Nhân số các hạng theo sổ cũ: 4.848 người. Hiện có 2.062 người.

<sup>1</sup>Phủ Trùng Khánh 重慶府: Trước là toàn bộ phủ Cao Bình 高平府 thuộc thừa tuyên Thái Nguyên đời Lê Thánh Tông. Năm Minh Mệnh 7 (1826) đổi phủ Cao Bình thành phủ Trùng Khánh 重慶府 thuộc trấn Cao Bằng. Năm Minh Mệnh 12 (1831) đổi trấn làm tỉnh thì tỉnh Cao Bình (Bằng) 高平省 vẫn chỉ gồm duy nhất một phủ Trùng Khánh. Năm thứ 16 (1835) tách huyện Thạch Lâm để lập phủ Hoà An gồm 2 huyện Thạch Lâm và Thạch An. Năm Tự Đức 27 (1874) cắt 2 tổng Thượng Quan, Kim Mã trước thuộc huyện Cẩm Hoá tỉnh Thái Nguyên cho thuộc phủ Hoà An để lập thêm huyện Nguyên Bình. Như vậy, từ cuối Tự Đức đến Đồng Khánh, phủ Trùng Khánh chỉ gồm 3 huyện Thượng Lang, Hạ Lang, Quảng Uyên, tức chỉ một phần nhỏ của phủ Trùng Khánh đời Minh Mệnh gồm cả tỉnh Cao Bằng. Nay thuộc các huyện Trùng Khánh, Quảng Hoà, thị trấn Quảng Uyên, huyện Hạ Lang tỉnh Cao Bằng.

Thuế:

-Nộp bằng tiền: 2.314 quan.

-Biệt nạp bằng bạc: 94 lạng.

Ruộng đất:

-Ruộng đất các hạng, theo số cũ: 20.909 mẫu 3 sào 1 thước 1 tấc 6 phân.

-Hiện khai khẩn: 11.653 mẫu 2 sào 7 thước 2 tấc 5 phân.

Thuế ruộng:

-Nộp bằng thóc: 3.150 học 30 bát 4 vốc 3 nắm.

-Nộp bằng tiền: 1.848 quan 2 tiền 35 đồng tiền.

Phủ kiêm lý: 1 huyện Thượng Lang:

**Huyện Thượng Lang**, 4 tổng:

1-Tổng Lãng Yên

2-Tổng Ý Cống

3-Tổng Nga Ổ

4-Tổng Đăng Châu

Thống hạt: 2 huyện Quảng Uyên, Hạ Lang:

**Huyện Quảng Uyên**, 5 tổng:

1-Tổng Vũ Lãng

2-Tổng Ngưỡng Đông

3-Tổng Lực Nông

4-Tổng Lạc Giao

5-Tổng Cách Linh

**Huyện Hạ Lang**, 3 tổng:

1.Tổng Lệnh Cấm

2.Tổng Điều Lang

3.Tổng Bạch Đằng

**Phong tục:**

Huyện Thượng Lang người Thổ (Tày) nhiều, người Nùng ít. Hai huyện Quảng Uyên, Hạ Lang một nửa là người Thổ (Tày), một nửa là người Nùng. Các xóm ấp cư trú rải rải, tập tục có việc giống nhau có việc khác nhau đã chép ở phần chung toàn tỉnh. Đại khái bốn tổng thuộc huyện Thượng Lang phần nhiều thuần hậu chất phác. Các tổng Ngưỡng Đông, Lạc Giao, Cách Linh huyện Quảng Uyên cũng gần với thuần hậu. Các tổng Lực Nông, Vũ Lãng có phân bưng bình. Hạ Lang hung hãn, điều toa mà xã Bạch Đằng là nhất. Dân làm nghề cày ruộng, ít người buôn bán. Tập tục tin thần linh mà cũng tin chuông cả then mo cúng bái (thầy cúng đàn ông nhiều, thầy cúng đàn bà ít). Con trai con gái thích vui đùa. Ba huyện đều như vậy.

**Sản vật:**

Ruộng phần nhiều cần cỗi, so với phủ Hoà An thì địa thế cao hơn. Ruộng hợp cấy vụ thu, không hợp với lúa hè. Cây chàm, bông, lúa mạch, khoai, đậu, ngô thì tùy theo từng nơi mà trồng, nhưng phần nhiều là lúa mạch và ngô. Trên các núi đá có cây quang lang (cây bột báng), gỗ nghiến. Trong rừng thì rải rác cũng có nơi có hươu nai, xạ hương, mật ong trắng, củ mài. Thượng Lang có mắc cọc ngon hơn các nơi khác. Điều Lang có trồng cây kim anh, Nga Ổ có hạt dẻ. Đăng Châu có cá hương.

**Khí hậu:**

Địa thế ở cực bắc, núi rừng liên tiếp, khí hậu lạnh rét, nhiều lam chướng độc hại. Buổi sáng thường có mù trắng che kín trời, mặt trời lên cao 2-3 trượng mới dần tan. Từ mùa thu đến mùa đông, mùa xuân đều như vậy. Chỉ có mùa hè là nhẹ hơn. Tháng giêng, tháng hai gió bắc mưa phùn, sương núi ngưng đọng. Tháng 3 gió đông kèm theo lạnh, tháng 4 ấm dần. Tháng 5, 6 gió nam trời sáng tạnh. Bắt đầu nóng nực thì thường có mưa rào, nhưng do địa thế cao nên không có lũ. Tháng 7-8 gió tây, bắt đầu có khí lạnh, có khi cả tuần mưa dầm. Tháng 9, 10 gió tây bắc, ban ngày trời âm u, ban đêm lạnh. Tháng 11, 12 gió bắc, rét đậm, thường có tuyết, các khe lạch đọng băng mỏng, đến giờ mào giờ mù có ánh nắng mặt trời thì băng mới bắt đầu tan. Quanh năm không có bão. Nông vụ gieo mạ tháng 3, tháng 4, 5 xuống cấy, nếu để đến tháng 6 mới cấy thì không thành lúa.

**Núi sông:**

Trong phủ địa thế núi liền núi, kể dãy lớn thì có 7 dãy:

-Ba dãy núi từ châu Quy Thuận nước Thanh chạy đến tổng Lãng Yên huyện Thượng Lang. Dãy bên trái chạy đến tổng Đăng Châu. Dãy bên phải chạy đến tổng Ỗ Cống thì hết. Dãy giữa lại chia làm 3 nhánh, đều chạy xuống huyện Hạ Lang rồi chạy vào châu Thượng Lang nước Thanh.

-Một dãy núi từ châu Quy Thuận chạy đến địa giới hai tổng Đăng Châu, Nga Ồ huyện Thượng Lang rồi chạy vào châu Hạ Lôi.

-Một dãy núi từ huyện Thạch Lâm chạy đến tổng Ngưỡng Đông huyện Quảng Uyên.

-Một dãy núi từ huyện Thạch Lâm chạy đến tổng Vũ Lăng.

-Một dãy núi từ huyện Thạch An chạy đến tổng Lực Nông. [Cả ba dãy trên] đều đến giang phận huyện Quảng Uyên thì hết. Trong đó có tên là các núi Kha Sơn ở huyện Thượng Lang, núi Sen, núi Then ở huyện Hạ Lang.

Sông suối nông hẹp, có 4 dòng:

-Một sông từ châu Quy Thuận nước Thanh chảy đến huyện Quảng Uyên, qua hai huyện Thượng Lang, Hạ Lang, rồi chuyển theo huyện Quảng Uyên chảy thông sang Long Châu nước Thanh.

-Một sông từ châu Quy Thuận nước Thanh đổ xuống huyện Thượng Lang, qua huyện Hạ Lang thông sang châu Hạ Lôi nước Thanh.

-Một sông từ châu Thượng Long nước Thanh đổ xuống huyện Hạ Lang, lại chuyển về châu Thượng Long nước Thanh.

-Một sông bắt nguồn từ núi đá xã Lệnh Cấm huyện Hạ Lang cũng chảy thông sang châu Thượng Long nước Thanh.

**Danh thắng:**

Trong phủ hạt thế núi to lớn, nước sông chảy xiết, rải rác cũng có một hai đền chùa, nhưng là nơi hoang vu không có nơi nào đáng kể là danh thắng.

**Đường đi:**

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây qua Hiếu Lễ, Đoài Côn huyện Thượng Lang, Cẩm Hiếu, Mạn Đà huyện Quảng Uyên đến xã Thạch Bình giáp giới huyện Thạch Lâm, dài 52 dặm.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía nam, qua Ỗ Cống, Đoài Côn huyện Thượng Lang, Dương Áng, Lệnh Cấm, Phúc Bình huyện Hạ Lang đến xã Quang Bí giáp giới châu Thượng Long nước Thanh, dài 80 dặm.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông, qua các xã Bàn Đà, Ổ Hạng huyện Thượng Lang, Trạo Nhi huyện Hạ Lang đến Lũng Đa giáp giới châu Hạ Lôi nước Thanh, dài 60 dặm.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía bắc qua các xã Lãng Yên, Bình Sa huyện Thượng Lang, Ngưỡng Đông huyện Quảng Uyên đến xã Quả Thoát giáp giới châu Quy Thuận nước Thanh, dài 37 dặm.

**HUYỆN THƯỢNG LANG**

Huyện Thượng Lang do phủ Trùng Khánh kiêm lý.

Huyện hạt<sup>1</sup> phía đông giáp châu Hạ Lôi nước Thanh, phía tây giáp huyện Quảng Uyên, phía nam giáp huyện Hạ Lang, phía bắc giáp châu Quy Thuận nước Thanh.

Đông tây cách nhau 60 dặm. Nam bắc cách nhau 60 dặm.

Số lính theo sổ hiện tại: 60 người.

Nhân số các hạng theo sổ cũ: 1.950 người. Hiện có 744 người.

Thuế:

-Nộp bằng tiền: 8.089 quan 6 tiền.

-Biệt nạp bằng bạc: 48 lạng.

Ruộng đất:

-Ruộng đất các hạng, theo sổ cũ: 7.408 mẫu 3 sào 4 thước 3 phân.

-Hiện khai khẩn: 4.278 mẫu 9 sào 6 thước 2 tấc 6 phân.

Thuế ruộng:

-Nộp bằng thóc: 1.155 học 16 bát 3 vốc 5 nắm.

-Nộp bằng tiền: 740 quan 58 đồng tiền.

Huyện có 4 tổng:

**1-Tổng Lăng Yên**, 14 xã, thôn, phố:

1.Xã Lăng Yên	2.Xã Vương Luật	3.Xã Ngọc Côn	4.Xã Đãng Năm
5.Xã Hiếu Lễ	6.Xã Mai Lĩnh	7.Xã Yên Hy	8.Xã Bào Khê
9.Thôn Lũng Lâu	10.Thôn Đà Pha	11.Thôn Lũng Tri	12.Thôn Bình Sa
13.Thôn Lũng Chung Lũng Trát		14.Phố Cổ Chu	

**2-Tổng Ý Cống**, 9 xã, phố:

1.Xã Ý Cống	2.Xã Ngang Sơn	3.Xã Mỹ Khê	4.Xã Tứ Mỹ
5.Xã Cảnh Sơn	6.Xã Cổ Phương	7.Xã Thân Dương	8.Xã Đoài Côn
9.Phố Đoài Côn			

**3-Tổng Nga Ổ**, 11 xã, phố, trại:

1.Xã Nga Ổ	2.Xã Ổ Hạng	3.Xã Bông Sơn Ngoại	4.Xã Thượng Cống
5.Xã Quan Chử	6.Xã Trùng Nhai	7.Xã Tiến Năm	8.Xã Nga Sơn
9.Xã Bông Sơn Nội	10.Phố Khiếu Thang	11.Trại Lũng Tí	

**4-Tổng Đãng Châu**<sup>2</sup>, 7 xã, thôn:

1.Xã Đãng Châu <sup>3</sup>	2.Xã Lũng Điện	3.Xã Quỳnh Lâu	4.Xã Hoàn Lễ
5.Xã Đống Khê	6.Xã Bàn Đà	7.Thôn Lũng Lai	

**Phong tục:**

Trong hạt người Thổ (Tày) nhiều, người Nùng ít, phần lớn quê mùa chất phác, không thích tranh giành. Thuận hậu nhất là hai tổng Lăng Yên và Ý Cống, thứ đến là hai tổng Đãng Châu, Nga Ổ. Thảng hoặc cũng có những kẻ hung hãn thì cũng chỉ ở mấy xã Cổ Phương, Đãng Năm, Nga Ổ, Bàn Đà mà thôi. Thờ thần thì chỉ có một miếu ở cạnh phủ lý thờ bách thần, người trong phủ mỗi năm xuân thu hai

<sup>1</sup>Huyện Thượng Lang 上郎縣: Thời thuộc Hán là đất châu Tư Lang 思郎州, cho đến đời Lý Trần vẫn gọi là châu Tư Lang 思郎州. Thời thuộc Minh đổi là châu Thượng Tư Lang 上思郎州. Đời Lê Thánh Tông, khi định bản đồ toàn quốc (1469) đổi là châu Thượng Lang 上郎州 thuộc phủ Cao Bình. Năm Minh Mệnh 15 (1834) đổi là huyện Thượng Lang 上郎縣. Nay thuộc huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng.

<sup>2</sup>Xem chú sít dưới.

<sup>3</sup>Tổng và xã Đãng Châu: Đầu đời Minh Mệnh về trước là tổng và xã Đãng Châu 當州. Từ năm Minh Mệnh 6 (1825) kiêng đồng âm tên húy Thuận Thiên Cao Hoàng hậu (Trần Thị Ngọc Đàng 璫 mẹ sinh Minh Mệnh), đổi là Đãng Châu 登州.

kỳ đến tế. Ngoài ra đình chùa đều không có. Các xóm ấp thì chỉ dựng lều cỗ thờ thổ thần. Người ốm đau hoặc gặp tai nạn thì trước hết cầu đảo ở miếu thần, nếu không thấy nghiệm thì mời thầy mo đến cúng. Con trai con gái thích trang điểm, chuộng phong tình. Tháng giêng tháng 3 mùa xuân, tháng 7 mùa thu tụ tập ở các chợ chơi. Con trai thì ô Tây, quạt Tàu, con gái thì vòng bạc giày hoa, cùng nhau hát xướng coi là đám hội.

#### **Sản vật:**

Thóc lúa, hoa màu, cùng là sơn lâm sản cũng giống hai huyện Quảng Uyên, Hạ Lang, xem phần chung toàn phủ. Về hoa màu thì phần nhiều là lúa mạch. Mắc coọc thì các tổng đều có, so với các nơi khác thì mắc coọc ở đây ngon nhất. Xã Nga Ổ tổng Nga Ổ có hạt dẻ. Xã Lũng Điện tổng Đăng Châu có cá hương. (Tương truyền ở đây sông xã đó có cây trầm hương cho nên thanh ngư sinh ra ở giang phận này có bộ óc rất thơm).

#### **Khí hậu:**

Khí hậu giống như hai huyện Quảng Uyên, Hạ Lang. Xem phần ghi chung toàn phủ.

#### **Núi sông:**

Núi có 3 dãy, trong đó núi có tên là núi Kha Sơn.

-Một dãy từ ải Đống Ái châu Quy Thuận nước Thanh chạy đến núi đất lẫn đá ở xã Bào Khê, qua các xã Ngọc Côn, An Hi, Mai Lĩnh đến xã Lũng Điện thì hết, dài khoảng 20 dặm.

-Một dãy từ ải Đống Ái đến núi đất lẫn đá thôn Đà Ba, qua các xã thôn Lũng Tri, Bình Sa, Lãng Yên đến xã Cổ Phương thì hết, dài khoảng 30 dặm.

-Một dãy từ ải Đống Ái đến núi đất lẫn đá xã Ngọc Luật chia làm 2 nhánh. Nhánh trái đến xã Đăng Châu thì hết, dài khoảng 8 dặm. Nhánh phải đến xã Hiếu Lễ lại chia làm 3 nhánh nhỏ: một nhánh qua các xã Cảnh Sơn, Tứ Mỹ đến xã Đoài Côn kéo xuống núi xã Dương Áng huyện Hạ Lang, dài khoảng 30 dặm, một nhánh qua xã Bàn Đà đến xã Mỹ Khê có núi Kha Sơn (núi đất, cao lớn nhất so với các núi trong huyện). Lại qua xã Ý Cống đến xã Nga Sơn chạy liền xuống núi xã Đông Loan huyện Hạ Lang, dài khoảng 50 dặm, một nhánh qua các xã Hoàn Lễ, Thượng Cống, Nga Ổ đến xã Ổ Cảng liền xuống núi xã Trạo Nhi huyện Hạ Lang, dài khoảng 52 dặm.

-Một dãy từ ải Nhạc châu Quy Thuận chạy đến núi đất lẫn đá ở các xã thôn Lũng Định, Quan Chử, Lũng Bội<sup>1</sup>, lại chuyển chạy sang ải Căng châu Hạ Lôi [nước Thanh].

Sông có 2 dòng.

-Một dòng sông từ xã Cam Hảo huyện Quảng Uyên chảy đến theo hướng từ bắc sang tây, qua xã Đoài Côn chảy xuống sông xã Dương Áng huyện Hạ Lang, dài 22 dặm, rộng 3 trượng, có chỗ chỉ rộng 3-4 thước, không đều nhau.

-Một dòng sông từ ải Nhạc châu Quy Thuận đổ xuống theo hướng từ bắc sang đông, qua các xã Bào Khê, Ngọc Côn, Mai Lĩnh, Lũng Điện, Quỳnh Lâu, Nga Ổ thông đến sông xã Trạo Nhi huyện Hạ Lang, dài 42 dặm, rộng 3 trượng 4 thước, sâu 3-5-6 thước, không đều nhau.

#### **Danh thắng:**

Trong huyện không có nơi nào đáng ghi là danh thắng.

#### **Đường đi:**

-Một đường nhỏ từ phủ lỵ đi về phía tây, qua xã Hiếu Lễ đến xã Đoài Côn giáp giới huyện Quảng Uyên, dài 23 dặm.

<sup>1</sup>Lũng Bội 隴茈, ở đây và trên bản đồ viết 茈, nhưng ở bản kê xã thôn lại viết 笮 (Lũng Tí).

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía nam, qua xã Ý Cống đến xã Đoài Côn giáp giới huyện Hạ Lang, dài 19 dặm 73 trượng.

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía đông, qua các xã Bàn Đà, Nga Ổ đến xã Ổ Càng giáp giới huyện Hạ Lang, dài 43 dặm.

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía bắc qua các xã Ngọc Luật, Mai Lĩnh đến xã Bào Khê giáp giới châu Quy Thuận nước Thanh, dài 28 dặm. Lại một đường qua xã Lăng Yên đến thôn Bình Sa giáp giới huyện Quảng Uyên, dài 25 dặm.

## HUYỆN QUẢNG UYÊN

Quảng Uyên<sup>1</sup> là huyện thống hạt của phủ Trùng Khánh, ở về phía đông bắc thành tỉnh.

Huyện lý đặt ở địa phận xã Bà Dương tổng Vũ Lăng, cách thành tỉnh 60 dặm. Thành hướng mặt tiền về phía bắc, đắp bằng đất, cao 3 thước, dày 2 thước. Chu vi 30 trượng (trước, sau mỗi mặt dài 8 trượng, trái, phải mỗi mặt dài 7 trượng). Phía ngoài trồng tre gai. Bốn mặt đều có hào, sâu 2 thước, rộng 3 thước. Mở một cửa trước.

Huyện hạt phía đông giáp giới huyện Thượng Lang, phía tây giáp huyện Thạch Lâm, phía nam giáp giới huyện Thạch An, phía bắc giáp châu Quy Thuận nước Thanh.

Đông tây cách nhau 52 dặm. Nam bắc cách nhau 88 dặm.

Số lính theo sổ hiện tại: 55 người.

Nhân số các hạng theo sổ cũ: 1.745 người. Hiện có 750 người.

Thuế:

-Nộp bằng tiền: 829 quan 4 tiền.

-Biệt nạp bằng bạc: 31 lạng 5 tiền.

Ruộng đất:

-Ruộng đất các hạng, theo sổ cũ: 9.204 mẫu 1 sào 8 thước, 6 tấc.

-Hiện khai khẩn: 3.790 mẫu 2 sào 11 thước 9 tấc 6 phân.

Thuế ruộng:

-Nộp bằng thóc: 1.090 hộ 1 bát 4 vốc 8 năm.

-Nộp bằng tiền: 617 quan 8 tiền 34 đồng tiền.

Huyện có 5 tổng:

**1-Tổng Vũ Lăng**, 11 xã, thôn, phố:

1.Xã Vũ Lăng	2.Xã Cổ Nông	3.Xã Thạch Bình	4.Xã Đà Tàu
5.Xã Như Lăng	6.Xã Bà Dương	7.Xã Đà Vĩ	8.Xã Vu Điền
9.Xã Bình Lăng	10.Thôn Phong Thịnh	11.Phố Bà Dương	

**2-Tổng Lạc Giao**, 8 xã, thôn:

1.Xã Lạc Giao	2.Xã Vô Song	3.Xã Song Tĩnh	4.Xã Bàn Trang
5.Xã Mộc Hộc	6.Xã Đà Can	7.Xã Lăng Hoài	8.Thôn Tứ Linh

<sup>1</sup>Huyện Quảng Uyên 廣淵縣: Đời Lý là châu Quảng Nguyên 廣源, thời thuộc Minh là huyện Lộng Thạch 弄石, một trong 11 huyện thuộc châu Thái Nguyên (THQQ). Đời Lê Thánh Tông, khi định bản đồ toàn quốc (1469) đổi là châu Lộng Nguyên 弄源州 phủ Cao Bình, khoảng cuối đời Hồng Đức (1470-1497) đổi là châu Quảng Uyên 廣淵州. Cho đến đầu Nguyễn vẫn theo thế. Năm Minh Mệnh 15 (1834) đổi làm huyện Quảng Uyên. Nay là vùng thị trấn Quảng Uyên và huyện Quảng Hoà tỉnh Cao Bằng.

**3-Tổng Lục Nông**, 6 xã, phố:

- |                |               |                 |              |
|----------------|---------------|-----------------|--------------|
| 1.Xã Lục Nông  | 2.Xã Đa Tôn   | 3.Xã Thượng Nam | 4, Xã Hạ Nam |
| 5.Xã Dương Nam | 6.Phố Đống Đa |                 |              |

**4-Tổng Cách Linh**, 10 xã, thôn, phố:

- |                        |               |                  |              |
|------------------------|---------------|------------------|--------------|
| 1.Xã Cách Linh         | 2.Xã Vĩnh Lại | 3.Xã Gia Tuế     | 4.Xã Cổ Lạc  |
| 5.Xã Vĩ Vọng           | 6.Xã Bắc Vọng | 7.Xã Sơn Nông    | 8.Xã Phát Mè |
| 9.Thôn Bàn Duy Văn Nhã |               | 10.Phố Cách Linh |              |

**5-Tổng Ngưỡng Đồng**, 10 xã, thôn, phố:

- |                  |                  |                 |                |
|------------------|------------------|-----------------|----------------|
| 1.Xã Ngưỡng Đồng | 2.Xã Cẩm Hảo     | 3.Xã Mạn Đà     | 4.Xã Đồng Quán |
| 5.Xã Ngọc Quán   | 6.Xã Quả Thoát   | 7.Xã Quỳnh Quán | 8.Thôn Đôn Ca  |
| 9.Thôn Đôn Huệ   | 10.Phố Thông Huệ |                 |                |

**Phong tục:**

Trong huyện người Thổ (Tày) và người Nùng nhân số xấp xỉ bằng nhau. Các tổng Ngưỡng Đồng, Lạc Giao, Cách Linh thuần hậu, trong đó ba xã Quỳnh Quán, Lạc Giao, Vĩ Vọng là nhất. Các tổng Lục Nông, Vũ Lăng có phần điều xấu, trong đó hai xã Lục Nông, Vũ Lăng tệ hơn.

Việc thờ thần chỉ có một miếu thờ bách thần ở cạnh huyện lỵ. Mỗi năm xuân thu hai kỳ người trong huyện đến cúng tế. Ngoài ra không có đình chùa. Còn việc thờ thần đất, tập tục chuộng then mo cúng bái, thích ca hát, vui đùa chọc ghẹo thì cũng giống như phong tục huyện Thượng Lang.

**Sản vật:**

Lúa má, hoa màu, lâm sản cũng giống như hai huyện Thượng Lang, Hạ Lang. Xem phần ghi chung toàn phủ. Tổng Ngưỡng Đồng có lê ngon. Các xã Vũ Lăng, Quỳnh Quán, Mạn Đà dẹt hàng thổ cẩm.

**Khí hậu:**

Giống hai huyện Thượng Lang, Hạ Lang. Xem phần ghi chung về toàn phủ.

**Núi sông:**

Có 3 dãy:

-Một dãy từ núi xã Hy Lũng huyện Thạch Lâm chạy đến núi đá xã Ngọc Quán, qua các xã thôn Đôn Ca, Đôn Huệ, Quỳnh Quán, Ngưỡng Đồng, Mạn Đà đến xã Cẩm Hảo thì hết, dài khoảng 65 dặm.

-Một dãy từ núi xã Ca Xuyên huyện Thạch Lâm chạy đến núi đá xã Thạch Bình đến xã Mạn Đà, dài khoảng 30 dặm. Ở xã Mạn Đà lại chia làm hai nhánh. Một nhánh núi đá chạy qua xã Vũ Lăng, đến xã Bình Lăng thì hết, dài khoảng 40 dặm. Một nhánh qua núi đá các xã Bàn Trang, Song Tĩnh, Vô Song, Mộc Học, Đà Can, Lăng Hoài, Cách Linh, đến núi đất thuộc hai xã Vĩ Vọng, Phát Mè thì hết, dài ước 80 dặm.

-Một dãy từ núi xã Bằng Đường huyện Thạch An chạy đến núi đá xã Đa Tôn, qua các xã Lục Nông, Thượng Nam, Hạ Nam, Dương Nam đến xã Sơn Nông thì hết, dài khoảng 80 dặm.

Sông:

-Một dòng sông từ ải Thoa châu Quy Thuận nước Thanh đổ xuống theo hướng tây bắc sang đông, qua các xã Quả Thoát, Ngưỡng Đồng, Cẩm Hảo thông đến các xã Đoài Côn huyện Thượng Lang, Dương Áng huyện Hạ Lang, lại chuyển về các xã Bắc Vọng, Cổ Lạc, Phát Mè, thông đến cửa Thủy Khẩu thuộc Long Châu nước Thanh, dài 82 dặm. (Trong đó đoạn từ Quả Thoát đến Cổ Lạc rộng 2 trượng 2 thước, sâu 2-3 thước không đều nhau, đoạn từ Cổ Lạc đến Phát Mè rộng 3 trượng, sâu 3-4 thước không đều nhau). Lại có một nhánh bắt nguồn từ núi đá xã Đà Tàu chảy từ tây sang đông, qua các xã Đà Vĩ, Vũ Lăng, Như Lăng, Vu Điền đến hợp lưu với sông xã Cổ Lạc, dài 50 dặm, rộng 1 trượng 5 thước, sâu 1-2 thước không đều nhau.

**Danh thắng:**

Trong huyện không có nơi nào đáng coi là danh thắng.

**Đường đi:**

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây bắc, qua xã Đà Tàu đến Thạch Bình giáp giới huyện Thạch Lâm, dài 20 dặm.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía nam qua các xã Lạc Giao, Cách Linh đến xã Phát Mê, giáp cửa Thủy Khẩu thuộc Long Châu nước Thanh, dài 54 dặm.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông bắc qua các xã Đà Vĩ, Mạn Đà đến xã Cẩm Hảo giáp giới huyện Thượng Lang, dài 20 dặm.

## HUYỆN HẠ LANG

Hạ Lang<sup>1</sup> là huyện thống hạt của phủ Trùng Khánh, ở về phía đông nam thành tỉnh. Huyện này trước do phủ Trùng Khánh kiêm lý, năm Tự Đức thứ 3 (1851) vâng mệnh cắt giảm phủ Hoà An, dời phủ lỵ Trùng Khánh về lỵ sở cũ của phủ Hoà An. Huyện Hạ Lang thì sáp nhập vào huyện Thượng Lang. Năm thứ 24 (1871) lại tách ra đặt riêng huyện Hạ Lang. Huyện lỵ đặt ở địa phận xã Lệnh Cấm tổng Lệnh Cấm (cách thành tỉnh 101 dặm). Xung quanh rào cọc tre, chu vi 30 trượng (trước, sau, trái, phải mỗi chiều đều dài 7 trượng 5 thước), chưa sửa sang hào lũy.

Huyện hạt phía đông giáp giới châu An Bình nước Thanh, phía tây giáp giới huyện Quảng Uyên, phía nam giáp giới châu Thượng Long nước Thanh, phía bắc giáp giới huyện Thượng Lang.

Đông tây cách nhau 62 dặm 10 trượng. Nam bắc cách nhau 15 dặm 18 trượng.

Số lính theo sổ hiện tại: 44 người.

Nhân số các hạng theo sổ cũ: 1.153 người. Hiện có 568 người.

Thuế:

-Nộp bằng tiền: 676 quan.

-Biệt nộp bằng bạc: 14 lạng 5 tiền.

Ruộng đất:

-Ruộng đất các hạng, theo sổ cũ: 4.296 mẫu 8 sào 3 thước 5 tấc 3 phân.

-Hiện khai khẩn: 3.084 mẫu 4 thước 3 phân.

Thuế ruộng:

-Nộp bằng thóc: 905 hộc 12 bát 6 vốc.

-Nộp bằng tiền: 490 quan 3 tiền 3 đồng tiền.

Huyện có 3 tổng:

**1-Tổng Lệnh Cấm**, 11 xã thôn, phố:

1.Xã Lệnh Cấm

2.Xã Vĩnh Thọ

3.Xã Phúc Bình

4.Xã Minh Giáo

5.Xã Dương Áng

6.Xã Liêm Thủy

7.Xã Phục Lễ

8.Xã Quang Cống

9.Thôn Văn Khu Hạnh Đàn

10.Xã Nhượng Mỹ

11.Phố Lệnh Cấm

**2-Tổng Điều Lang**, 9 xã, trại, thị (chợ):

<sup>1</sup>Huyện Hạ Lang 下郎縣: Thời thuộc Hán là đất châu Tư Lang 思郎州, cho đến đời Lý Trần vẫn gọi là châu Tư Lang 思郎州. Thời thuộc Minh đổi là châu Hạ Tư Lang 下思郎州. Đời Lê Thánh Tông, khi định bản đồ toàn quốc (1469) đổi là châu Hạ Lang 下郎州 thuộc phủ Cao Bình. Năm Minh Mệnh 15 (1834) đổi là huyện Hạ Lang 下郎州. Nay thuộc huyện Hạ Lang tỉnh Cao Bằng.

- |                  |              |                      |                  |
|------------------|--------------|----------------------|------------------|
| 1.Xã Điều Lang   | 2.Xã Ba Lãng | 3.Xã Đò Mông Sơn     | 4.Xã Hội Khê     |
| 5.Xã Ngọc Sơn    | 6.Xã An Hóa  | 7.Xã Linh Lang Trạch | 8.Trại Lũng Uyển |
| 9. Chợ Đống Long |              |                      |                  |

**3-Tổng Bạch Đằng<sup>1</sup>**, 9 xã, thôn, trại, thị:

- |                             |                  |                |               |
|-----------------------------|------------------|----------------|---------------|
| 1.Xã Bạch Đằng <sup>2</sup> | 2.Xã Đông Loan   | 3.Xã Lạc Oa    | 4.Xã Trạo Nhi |
| 5.Thôn Lũng Đa              | 6.Trại Lũng Biều | 7.Trại Nậm Tốc | 8.Trại Lý Bạ  |
| 9.Chợ Củng Xương            |                  |                |               |

**Phong tục:**

Trong huyện người Nùng nhiều, người Thổ (Tày) ít . Tính họ hung hãn, mạnh yếu lẫn nhau, thích khoe khoang khoáng lác, thích kiện tụng, mà tổng Bạch Đằng là nhất. Thứ đến là hai tổng Điều Lang, Lệnh Cấm. Chỉ có 4 xã Vĩnh Thọ, Lệnh Cấm, Nhượng Mỹ, Ba Lãng khá thuận hậu mà thôi. Thờ thần Phật thì chỉ có một ngôi miếu ở chỗ giáp giới sơn phận hai xã Lệnh Cấm, Vĩnh Thọ thờ Thành hoàng, một ngôi chùa thờ Phật Quan Âm. Người trong huyện bị ốm đau bệnh tật, hoặc muốn sinh con trai đến cầu khẩn, nếu được ứng nghiệm thì biện xôi, gà, rượu đến miếu lễ tạ, hoặc hương hoa quả phẩm cỗ chay thỉnh tăng nhân tụng kinh ba ngày hoặc bảy ngày để tạ ơn. Ngoài ra thì ở xóm ấp chỉ dựng lều cỏ thờ thổ thần, còn đình chùa thì đều không có. Còn việc then mo cúng bái thì vẫn có, nhưng cũng không sùng tín lắm. Hàng năm vào các tháng giêng, tháng 3, tháng 7 con trai con gái trang điểm tụ họp ở phố Lệnh Cấm ca hát trêu ghẹo nhau làm vui, tập tục đại khái cũng giống hai huyện Quảng Uyên, Thượng Lang.

**Sản vật:**

Ruộng lúa, hoa màu và lâm sản cũng giống như hai huyện Thượng Lang, Quảng Uyên. Riêng về hoa lợi thì chỉ ngô là nhiều. Tổng Điều Lang có cây kim anh, còn đào, lê thì tổng nào cũng có.

**Khí hậu:**

Giống hai huyện Quảng Uyên, Thượng Lang.

**Núi sông:**

Núi có 3 dãy, trong đó có tên có núi Liên Sơn (núi Sen) và núi Thiên Sơn (núi Then).

-Một dãy từ núi xã Đoài Côn huyện Thượng Lang chạy đến núi Liên Sơn ở xã Dương Áng (núi đất giống bông sen nên gọi tên như vậy), chia làm 2 nhánh. Nhánh bên phải qua núi Thiên Sơn cùng xã (núi đất lẫn đá to rộng, trước có loài tre hoa, nay không còn) đến xã Minh Giáo và xã Bàn Duy giáp giới huyện Quảng Uyên thì hết, dài khoảng 20 dặm. Nhánh bên trái<sup>3</sup> (núi đá) qua các xã Vĩnh Thọ, Phúc Bình, Điều Lang (dãy này là núi đá, chỉ riêng đoạn núi ở xã Điều Lang là núi đất, tục gọi là *Đèo Tranh*), Quang Bí đến thôn Văn Khu Hạnh Đàn chạy thông sang châu Thượng Long nước Thanh, dài khoảng 100 dặm.

-Một dãy từ núi xã Nga Sơn huyện Thượng Lang chạy đến núi đá xã Lạc Oa, qua các xã Đông Loan, Bạch Đằng đến thôn Nội xã Trạo Nhi thì hết, dài khoảng 60 dặm.

<sup>1</sup>Xem chú sát dưới.

<sup>2</sup>Tổng và xã Bạch Đằng: Từ đời Minh Mệnh về trước là xã Tuyên Đằng 泉藤. Năm đầu niên hiệu Thiệu Trị (1841) kiêng đồng âm tên húy vua Thiệu Trị (Nguyễn Phúc Tuyên), đổi là Bạch Đằng 白藤.

<sup>3</sup>Núi chia làm 2 chi (nhánh), một nhánh ghi là hữu (bên phải), nhánh sau đúng ra phải viết là tả chi, nhưng lại ghi nhầm vẫn là "hữu chi".

-Một dải từ núi xã Ổ Cánh huyện Thượng Lang chạy đến núi đá thôn Ngoại xã Trạo Nhi, qua các xã, thôn, trại Lũng Đa, Nậm Tốc, Lũng Biều, Lý Bạ, Ngọc Sơn, An Hoá đến xã Đò Mòng Sơn thì chạy vào châu Thượng Long nước Thanh, dài khoảng 120 dặm.

Sông có 4 dòng:

-Một dòng sông từ sông xã Đoài Côn huyện Thượng Lang đổ xuống theo hướng bắc nam, qua xã Dương Áng thông với sông xã Bác Vọng huyện Quảng Uyên, dài 40 dặm, rộng 3 trượng; sâu 3, 4 thước không đều nhau.

-Một dòng sông từ sông xã Ổ Cánh huyện Thượng Lang đổ xuống theo hướng từ bắc sang đông, qua các xã, thôn, trại Trạo Nhi, Lũng Đa, Nậm Tốc, Lý Bạ, đến ải Na Linh châu Hạ Lôi nước Thanh, dài 21 dặm, rộng 4 trượng; sâu 3, 5 thước không đều nhau.

-Một dòng sông bắt nguồn từ núi đá xã Lệnh Cấm đổ xuống theo hướng bắc nam, qua các xã Vĩnh Thọ, Phúc Bình, Liêm Thủy thông sang động Hàm Thạch thuộc châu Thượng Long nước Thanh, dài 30 dặm, rộng 2 trượng 2 thước; sâu 3, 4 thước không đều nhau.

-Một dòng sông từ ải Cửu Khả thuộc châu Thượng Long nước Thanh đổ xuống theo hướng từ đông sang tây, qua xã Quang Bí lại chảy về động Hàm Thạch châu Thượng Long nước Thanh, dài 20 dặm 25 trượng, rộng 1 trượng 5 thước; sâu 2, 3 thước không đều nhau.

#### **Danh thắng:**

Trong huyện không có nơi nào đáng gọi là danh thắng.

#### **Đường đi:**

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây, qua các xã Lệnh Cấm, Minh Giáo đến xã Dương Áng giáp địa giới huyện Thượng Lang, dài 20 dặm.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông, qua các xã Phúc Bình, Nhượng Mỹ, Điều Lang, Hội Khê đến xã An Hoá giáp giới châu An Bình nước Thanh, dài 42 dặm. Lại một đường từ xã Phúc Bình đi về phía nam, qua các xã Liêm Thủy, Quang Bí đến đôn Bí Hà giáp giới châu Thượng Long nước Thanh, dài 32 dặm.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía bắc, qua các xã Vĩnh Thọ, Trạo Nhi đến thôn Lũng Đa giáp địa giới châu Hạ Lôi nước Thanh, dài 39 dặm.

高平省莅臣等欽遵批示編繪圖本進呈奏冊

## 高平省目錄

(原本無有)

高平省	頁一
和安府	頁六
石林縣	頁十
石安縣	十五
原平縣	頁二十
重慶府	頁二四
上琅縣	頁二八
廣淵縣	頁三二
下琅縣	三五

同慶敕製御覽

## 高平省

省城在石安縣嘉恭社分。原設省莅壹倉屯壹(屯在省莅東南，相距壹百肆拾丈)。嗣德拾五年撤省莅，移住倉屯。貳拾肆年，又撤倉屯(現今屯肆圍土壘，間多墜裂。凡倉貳座，每座拾壹間貳夏，風雨漸傾)，轉回省莅住辦。其城以土築，上樹竹柵。周圍通長壹百柒拾陸丈壹尺南肆拾壹丈伍尺，北肆拾貳丈，東肆拾柒丈叁尺，西肆拾五丈叁尺)，身高柒尺，腳厚壹丈。又候面中間設半月炮灶各壹。前、左貳門磚砌。左、右、後叁面濠(左闊壹丈叁尺，深五尺；右闊壹丈，深壹丈；後闊壹丈貳尺，深壹丈)。濠面夾城腳，均植青竹。前面隔城壹丈叁尺，亦植壹行竹壘直包左右濠角。其外又設前屯，周圍通長壹百肆拾丈捌尺(南肆拾壹丈五尺，南五拾丈叁尺，東貳拾捌丈，西貳拾壹丈)。前、左、右叁面土壘，高後各叁尺許。壘上樹竹柵。前壹門磚砌。省轄東夾清國下雷州界，西夾清國鎮安府並宣光省底定縣界，南夾諒山省七溪縣界，北與東北均夾清國歸順州界，西南夾太原省白通、感化等縣界，東南夾清國下凍、龍州、安平等州界。東西相距壹百五拾貳里，南北捌拾柒里。

原雄勇貳奇兵籍捌百叁拾陸名。茲現在伍貳百陸拾



作較勤於土。婚禮婿不親迎。葬用佛家超度法。人肆拾以上，係生日設酒穀爲賀。死後諱日則無追禮。清明節掃墓及諸俗節與土略同。惟中元節較豐，人家或設饌酒，又計口，各用鴨壹以饗以食。如小幼則長者代食之。家家皆然。蠻民山居山耕，遷徙無常。大板蠻（俗號蠻駝）男頭剃肆旁髮際，偏右結著黑布巾，垂頭如<sup>ㄅ</sup>角。衣短黑色。女衣前後緣以赤絨葩樣，領上加著短圓領，肆周垂絲串土金剛粒。小板蠻（俗號蠻錢）男著藍布巾，衣無領，前後肆旁繡色線爲文。女頭戴方板覆以白巾，衣底繡水波樣。其衣背後各帶錢爲號。白貓蠻（俗號芒犒）男女頭各被髮，服用粗布白色。該叁蠻服勤苦處，陋嗇。舂米則用水機，汲水則用竹筒。男人自成童各有手砲。婚娶論財。娶婦日聘禮費千。及生女而嫁亦照此索直。葬禮與儂俗同，獨不用墓誌。或移居則帶先人骸骨隨之。節臘苟且，忌日亦無追祀。若其人無從左，俗多尚鬼。有疾病則以巫禱（土與儂男巫號扛，女巫號孛）。設壇入供，手彈琴足搖鈴，誦禱求魄。仍以病者衣壹領並雞壹卵，米壹筒，符咒清置之病者臥所。蠻只有男巫，俗號柴模。供則用鼓，又用童人坐執衡石。該巫符咒招魔借口，從而穰之，不用醫藥。土、儂、蠻皆然，此俗尚之同異，其大略也。就中石麻、石安貳縣間<sup>合</sup>有文風。上琅、廣淵貳縣頗爲淳厚。原平有近於義，下琅則悍而刁。風氣又各有別。惟全轄市無弊

服，路無丐人，偷竊者亦少。蓋得之生涯之異也。至如清人投寓諸府縣庸面有之，習尚仍從清國。

## 物產

轄內田有秋無夏。葩利則芋豆麥（麥有叁類。壹名角麥用以造粥，壹名大麥用以作粉，壹名小麥用以煮酒）。蜀黍續藍草石山產桃榔（木心可搗作粉）、檟木。林分間有麋鹿、麝香、山羊、山雞與白蜜、薯蕷。諸縣皆然。石安產甘蔗、砂仁、禹餘糧、金、鐵及製竹簞；石林產甘蔗、禹餘糧、磁石、鋼鐵及陶瓦器；原平產禹餘糧、金、銀、鉛、錫；上琅產大栗、香魚。廣淵織土錦，下琅產金。櫻桃與沙梨則諸縣皆有之，而石林之桃，上琅之梨爲佳。

## 氣候

轄內地勢連山，寒多瘴盛，而無暴風。秋冬至春叁辰常常朝霧曠天，日貳、叁丈始散，氣亦常陰。惟夏暑晴霽。五、陸月間陣雨。和安府轄溪水多有漲溢。重慶府則雨後隨消。拾壹、拾貳月大寒。重慶府常有大雪凝合。和安府間亦有之。其農候則和安府以五、陸月稼，玖、拾月穫，與中州同。重慶府肆月已稼，五月畢功，遲至陸月則禾不成熟矣。

## 山水

轄內山巒連絡，溪澗縈迴。舉其大者，山則岑、崑、崙、崙、崙肆柱山（岑山在石安縣匠勤社，省城之北五里

許。崑山在玉坡社，省城之東貳里玖拾丈。崑山在富庶社，省城之西拾五里。崑山在原平縣朝舞社，省城之西南貳拾肆里。肆山最高，在省稱為肆柱。水則<sup>83</sup>滌、瀨、滾叁江（叁江合流，灣遶省城東、西、北叁面）。

## 名勝

轄內地處沿邊，無甚名勝。所可錄者，那侶復和之古城，春嶺孟水之古寺，岑山廟之飛茅蹟，和寧山之鑿石詩，鄰嶺山之通天峒。

## 路程

一條關報路自省城之南經高福、高雅貳站至終山嶺夾諒轄七溪縣界，長肆拾叁里。又一條小路自高福站東南經蒼斑庸至那爛寨夾清國下凍州界，長肆拾五里拾貳丈。

一條小路自省城之西經石安之薪寨社，石林之四政庸至勤農社，夾<sup>84</sup>宣光省底定縣界，長玖拾壹里柒丈。又一條自四政庸西北經廣疇社至那確社，夾清國小鎮安府平孟隘，長五拾里貳拾五丈。

一條小路自省城之西南經石安之懶山、雲油等社，原平之憑德社至雲從社，夾太轄感化縣界，長捌拾里叁拾五丈。

一條小路自省城之東經石安之玉坡社，石林之案賴社，廣淵之沱艚、漫沱、敢好等社，上琅之綺貢、好禮等社，下琅之掉兒社至隴多村，夾清國下雷州界，長壹百叁拾里柒拾叁丈。又一條自案

賴社東北經茶嶺社至熙隴社，夾清國歸順州界，長叁拾肆里五拾丈。又一條自沱艚社東南經鄱陽、樂郊、格靈、弗迷等社至那通堡，夾清國龍州水口關，長陸拾五里。

## 和安府

府轄在省城之西。兼理石林縣，統轄石安、原平貳縣。府莅石林縣河譚總孟水社分（去省城拾玖里）。嗣德叁年，奉裁省和安府，只留重慶府，改莅于此。貳拾柒年奉移重慶府于上琅縣，復設和安府，仍舊莅。城東南向，土築高陸尺，面肆尺，脚捌尺，周圍通長捌拾捌丈貳尺（前面貳拾肆丈，後面拾柒丈玖尺，左面貳拾肆丈捌尺，右面貳拾壹丈五尺）。前、左、右叁面濠各廣五尺，深叁尺。前、左門貳。其轄東夾廣淵縣界，西夾清國鎮安府並宣光省底定縣界，南夾諒山省七溪縣界，北夾清國歸順州界。東西相距壹百柒里柒丈，南北捌拾柒里。

現在兵籍壹百拾名（原籍不詳）

各項人數原籍肆千肆百捌拾陸人。茲現在壹千玖百拾捌人

現徵稅錢壹千捌百貳拾五貫肆陌。

別納<sup>85</sup>銀稅貳百拾玖兩。

代納熟鐵稅銀貳拾五兩貳錢。

各項田土原籍壹萬陸千壹百捌拾肆畝貳高拾貳尺。

茲現墾玖千柒百捌拾柒畝柒高柒尺五寸。

現徵租粟貳千柒百捌拾叁斛貳拾柒鉢貳拾叁勺。

稅錢壹千陸百肆拾五貫壹陌貳拾五文。

東南、啓和貳鐵礦銀稅貳拾肆兩五錢。

務農錫礦白錫稅壹百斤。

銀山銀礦原額稅叁百柒拾兩。茲現徵壹百兩。

又原筭茫金礦稅拾叁兩。永江金礦稅叁兩。靖沱金

礦稅貳兩五錢。富內金礦稅叁拾兩。茲現封閉。

兼理石林縣捌總：

河譚總

河廣總

扶棟總

通農總

讓畔總

靖窩總

中安總

郟嶺總

統轄石安、原平貳縣

74

石安縣柒總：

匠安總

率性總

復和總

玉坡總

懶山總

江吳總

上坡總

原平縣肆總：

嘉憑總

上關總

錦里總

金馬總

## 風俗

府轄石林、石安貳縣土多而儂蠻少。原平縣蠻多土少而無儂。邑里零星，好尚同異，已見上省編。就中石林之讓畔、河譚，石安之懶山、匠安頗有文風。

原平之金馬近於好義。此其尤也。若其大概則時林較爲淳厚，石安、原平悍詐間亦有之。其民耕農爲業，商賣者少。其俗信尚巫覡（女巫多，男巫少）。而石林、石安甚於原平。

## 物產

田多高燥，禾宜秋不宜夏。芋豆麥蜀黍繡藍草各隨地播植，而蜀黍較多。鈿山產檫木、枕榔粉，土山產禹餘糧、薯蕷。其麋鹿、山羊、山雞與麝香、白蜜諸林分有之，但不常得。甘蔗則讓畔、江吳所產，梨與桃則郟嶺爲佳。河廣產磁石，上關譚銀，金馬產錫。鐵則河廣、玉坡，金則上關、率性、江吳。竹篔出於率性，陶器出於讓畔。

## 氣候

地連霖麓，多瘴霧，日高貳、叁丈始散。秋、冬至春莫猶然。春多東北風，叁月猶帶寒。肆月漸溫。五、陸月盛暑，雨屢降，江溪漲溢。雨後叁、五日隨殺捌月暑退，入夜漸寒。玖、拾月常陰。拾壹、拾貳月北風，天氣極寒，間有大雪四時仍無大風。其農候五、陸月稼，玖、拾月穫，與中州略同。

## 山水

屬轄地勢連山。其大幹有陸條（支節散漫，脈絡碩跌，難得而詳。就其大勢分條以誌彼此遠近）。一條自歸順州引來石林縣中安總內。肆支散于該縣

轄而止。一支至石安縣而止。一條自清國歸順州引來鄰嶺總內。一支至石安縣而止。叁支連下廣淵縣。一條自太原感化縣引來原平縣金馬總內。貳支至石林縣而止。貳支至石安縣而止。一條自感化縣引來上關總連下石安以至清國下凍州。一條自清國鎮安府引來石林縣河廣總至通農總而止。一條自宣光省底定縣落入石林縣通農總止。其中有名者，石林之馬伏、馬飛、屏風、牙山、天馬等山；石安之岸山、岑山、崑山、崙山、威山、雞鳴、三斗、龍領等山；原平之嶠山、崑銀山、牛角山、講山、梅山。

水有滌、瀨、滾叁江。滌江一條自清國鎮安府注來石林縣。又支流肆條。一自清國歸順州，一自宣光省底定縣，一自太原省感化縣，一自石林縣扶棟社山，皆于石林縣轄合流，經石安縣達于清國龍州。瀨江一條自原平縣務農山注下石安縣。又支流貳條。一自原平縣崑銀山，一自石安縣靖沱山，皆于石安縣轄合流至懶山總，與滌江合滾江。一條自石林縣鄰嶺總壯邊山注下石安縣玉坡總，與滌江合。

## 名勝

石林之那侶古城、和寧山石盂水寺、鄰嶺峒；石安之復和古城、苓山古廟、春嶺古寺。至如原平無有名勝可錄。

## 路程

一條大路自府莅之東經石林之虬山社，石安之河隍、嘉恭等社，高福、高雅貳站至終山嶺，夾諒轄七溪縣界。長五拾柒里。

又一條小路自高福站東南經資斑庸至那爛寨，夾清國下凍州界，長肆拾五里拾貳丈。

又一條自嘉恭社之東經石安之玉坡社，石林之案賴社至兌坤社夾廣淵縣界，長貳拾肆里。

又一條小路自案賴社東北經鄰嶺社至熙隴社，夾清國歸順州界，長叁拾肆里五拾丈。

一條小路自府莅之西北經四政庸至勤農社，夾宣光省底定縣界，長柒拾貳里。又一條自四政庸之西經廣疇、朔江等社至那確社，夾清國鎮安府平孟隘，長五拾里貳拾五丈。

一條小路自府莅之西南經石林之那侶、麟趾等社，原平之嘉憑、憑德等社至雲從社，夾太轄感化縣界，長五拾里。

10a

## 石林縣

和安府兼轄。一轄東夾石安縣界，西夾清國鎮安府界，南夾原平縣界，北夾清國歸順州界。東西相距玖拾里，南北陸拾里。

現在兵籍柒拾肆名（原籍不詳）各項人數原籍壹千玖百陸拾玖人。茲現在壹千壹百肆拾捌人

現徵稅錢壹千柒拾陸貫陸陌別納銀稅壹百肆拾貳兩五錢

各項田土原籍柒千陸百五拾玖畝柒高柒尺陸寸。茲

現墾陸千玖拾五畝五高貳尺肆寸

現徵租粟壹千陸百玖拾玖斛拾肆五勺

稅錢壹千陸拾肆貫陸陌五拾肆文

啓和鐵礦稅銀貳拾兩

縣轄捌總

10b

河譚總陸社庸：

河譚社 春安社 虬山社 孟水社

那侶社 安平庸

讓畔總拾叁社庸邑峒寨：

讓畔社 壽疆社 石門社 博橋社

石峒社 福增社 檜溪社 安寧社

和寧社 麟趾社 甘蔗寨 四政庸

四政邑

河廣總柒社：

河廣社 廣疇社 春疇社 朔江社

明鸞社 河間社 那確社

靖窩總柒社庸：

靖窩社 靈黃社 安樂社 宣布社

11a

扶棟總捌社：

扶棟社 春農社 桃岸社 扶桑社

澄河社 和睦社 玉鋪社 春桃社

中安總拾壹社村：

邱安社 境辦社 叫得社 安隴社

滄熟社 上村 中村 內村

外村 下村 隴村

郟嶺總拾貳社村庸：

郟嶺社 兌坤社 米山社 案賴社

奇川社 郟山社 石賴社 靖朗社

郟嶺庸 案賴庸

通農總拾貳社村庸峒：

通農社 良醫社 良能社 多能社

通山社 安陽社 勤農社 中倘庸

琅玕社 潞到峒 門瀆峒

風俗

轄內土民多，儂蠻少。讓畔、河譚貳總土民稍知禮

讓，習華風。其中孟水、壽疆貳社兼有文學。郟

嶺、通農、中安叁總戇野而近於厚。河廣、靖窩、

扶棟叁總柔靡而近於巧。若奉神有那侶廟，奉佛有

孟水寺（詳注在下名勝）。餘邑里惟結蔡祀土神，禮

意疏陋。其俗好上巫覡。每春首各請巫覡。每春首

## 物產

各請巫祈安。有疾病則用巫禳禱。婦女尊信尤甚。

田禾葩利及山林產與石安、原平同，已見府編。惟葩利則蜀黍爲多，甘蔗寨產甘蔗。沙梨則鄰嶺總，桃則兌坤社較佳，磁石、鋼鐵出廣疇社，陶器出讓畔社。

## 氣候

氣候與石安、原平同。見上府編。

## 山水

山有陸條。其有名者，馬伏山、屏風山、飛山、牙山、天馬山。

一條自清國歸順州龍邦隘引來熙隴社，分爲貳支（石山）。左支連下廣淵縣玉管社山。右支經石賴、鄰嶺等社，至案賴社馬伏山（相傳儂智高與宋狄青戰失利，回抵伊山馬跌，因名焉），<sup>126</sup>約肆拾里。又分爲叁支。壹支（石山）連下石安縣憑塘社山。壹支（石山）至奇川社屏風山（山石峭立如屏，故名）連下廣淵縣石屏社山，約拾里。壹支（土山）至虬山社（內村）馬飛山（山嶺有石堆裂如馬蹄跡。相傳儂智高乘馬騰空之處，故名）連下石安縣玉坡社山，約陸里。

一條自清國歸順州榮勞隘引來叫得社至隴村分爲貳支（石山）。左支經上內、外等社散于米山、鄰

山、壯邊、靖朗等社而止，長約壹百五拾里。右支經安隴、春桃、桃岸、玉舖、扶棟中、下等社至邱安社而止，長約壹百叁拾里。其左右又生出叁支（土山）在扶棟社分，下靖窩、宜布、安樂等社，至廣疇社牙山（山產出磁石鐵鋼）而止，長約肆拾里；在中村分下春農、石崗、大萊等社至讓畔社而止，長約肆拾里；在下村分下孟水、石門、春安等社，至虬山社，連下石安縣<sup>126</sup>春珀社山，長約五拾里。

一條自清國鎮安府平孟隘引來那確社分爲貳支（石山）。左支經安陽、春疇、靈黃、河廣等社，至和寧社而止，長約陸拾里。右支經勤農、良醫、通山、通農等社至琅玕社而止，長約壹百里。

一條自宣光省底定縣玉冒庄引來勤農社（石山）經多能社至通農社而止，長約陸拾里。

一條自原平縣朝舞社引來福增社天馬山（土山）散于福基、河譚、那侶、安寧等社而止，長約貳拾里。

一條自原平縣鄱東社落入和寧社（石山）止，長約拾五里。

<sup>126</sup> 水有萍、滾貳江。

一條萍江自清國鎮安府平孟隘注來，自西而東，經那確、朔江、廣疇、春疇、靈黃、博舍、河廣、明鸞、甘蔗、讓畔、壽疆、那侶等社寨至河譚

社，達于石安縣春嶺社江，長陸捌里（內那確至廣疇廣五丈，深叁尺；春疇至河廣，廣陸丈陸尺，深五尺；明鸞至甘蔗，廣捌丈貳尺，深陸尺；讓畔至河譚，廣拾叁丈捌尺，深五尺）。又壹支自清國歸順州榮勞隘注來，自西而東，經澄河、和睦、扶桑、春桃等社，至廣疇社與漭江合，長肆拾陸里（內澄河至扶桑，廣貳丈，深貳尺；春桃至廣疇，廣貳丈壹尺，深叁尺）。又壹支自宣光省底定縣康樂社注來，自西而東，經勤農、良醫、通山、多能、通農、良能、琅玕等社，達原平縣之重坤、鄰東等社，又轉由和寧、安寧、會溪等社至甘蔗寨，與漭江合，長陸拾叁里（內勤農至琅玕，廣貳丈叁尺，深叁尺；和寧至甘蔗，廣叁尺，一丈深肆尺）。又壹支自扶棟社石山發源，自北而南，經靖窩、大萊等社，至博舍社與漭江合，長肆拾貳里（內扶棟至靖窩，廣貳丈，深肆尺；大萊至博舍，廣貳丈貳尺，深五尺）。

一條滾江自壯邊社石山發源，自西北而東，經靖朗、鄰嶺、光村、境辦等社村至邱安社，達于石安縣玉坡社江，長五拾里（內壯邊至光村，廣貳丈，深貳尺；境辦至邱安，廣貳丈五尺，深叁尺）。

## 名勝

那侶古城：相傳唐咸通年間，都護高駢所築。其城背山面水。城門並城腳磚石尚存。昔黎太祖征克

紹駐蹕于此。今城中有廟奉祀（上、下、左、右肆座），具在祀典。

孟水古寺：寺在山腰，山如麟形，俗號棟麟寺（瓦貳座）遞年正月初玖日有會。

和寧山鑿石詩：石山壁立堅秀，土俗號岵尖（國音即崗銳），下有漭江環抱。昔黎太祖平克紹刻詩于山石。詩云：

不辭萬里整師徒，  
但願邊方赤子蘇。

天地肯容奸黨在，  
古今誰赦叛臣誅。

忠良自可膺多福，  
暴悖終難保壹軀。

帶礪不忘臣子節，  
名垂萬古與山俱。

今字跡尚存。

鄰嶺山通天峒：石山東北有叁竅，每竅口廣各叁肆尺，彼此相通，長陸拾丈。周圍壁立，中有圓井，廣貳丈肆尺，深無底。水澄清，肆辰不涸。上有通天壹竅，廣五、陸尺。日星射影，井水蘸光。頗為勝峒。俗號盎淦（國音即醞諾）。

## 路程

一條大路自府莅之東，經孟水社至虬山社，夾石安縣界，長叁里柒丈。

一條小路自府莅之西北，經四政、中倘等庸至勤農社，夾宣光底定縣界，長柒拾貳里。又一條自四政庸之西經廣疇、朔江等社至那確社，夾清國鎮安府平孟隘，長五拾里貳拾五丈。

一條小路自府莅之西南，經那侶、福增等社至麟趾峒，夾原平縣界，長貳拾里。

152

# 石安縣

和安府統轄。縣暫莅，接夾省城之東。於明命拾肆年，原設縣莅，在玉坡總玉坡社。嗣德拾壹年，移于甘美村。拾五年至貳拾五年節經匪擾，縣衙移寓無常。貳拾陸年乃暫設今莅。肆圍均樹竹柵，未有修理城濠。其轄東夾廣淵縣界，南夾諒山省七溪縣界，西北均夾石林縣界。東西相距叁拾貳里，南北柒拾貳里。

現在兵籍叁拾肆名

各項人數原籍壹千玖百貳拾貳人。茲現在五百捌拾

陸人。

現徵稅錢五百柒拾貫柒陌

別納銀稅肆拾貳兩五錢

各項田土原籍陸千捌百柒拾壹畝貳高陸尺肆寸五分。茲現墾叁千拾叁畝叁高拾肆尺壹寸

現徵租粟玖百拾陸斛貳拾鉢玖合叁勺  
稅錢肆百陸拾陸貫玖陌肆拾壹文

東西鐵礦銀稅肆兩五錢。  
又原永江金礦稅叁兩，靖沱金礦稅貳兩五錢，富內金礦稅叁拾兩。茲現封閉。

縣轄柒總

懶山總拾壹社村庸寨：

- 懶山社 嘉恭社 美山社 鼓舞社
- 雲油社 甘美村 良馬庸 牧馬庸
- 澁欣寨 澁涑寨 (由盡籍以下)
- 澁俚寨

匠安總拾貳社寨：

- 匠安社 咸安社 博陸社 河隍社
- 薪寨社 勝邱社 憑塘社 匠勤社
- 春珀社 僊峒社 寧樂社 那略寨
- (由盡籍)

復和總柒社庸寨：

- 復和社 筆峰社 春光社 僊膠社
- 岑川社 憑樓庸 圩堪寨

上坡總陸社幫：

- 上坡社 下坡社 枚隴社 春和社
- 布帛社 廣東幫 (由盡籍)

玉坡總拾肆社庸寨：

- 玉坡社 博山社 福應社 雅南社

憑隴社 憑礪社 嵩高社 富庶社  
 河池社 峨址社 蒼斑庸 玉峙社  
 (由畫籍以下) 滄娘庸 茫萊寨

率性總拾肆社庸寨：

內占社

高門社

博溪社

臨川社

棠陰社

靖沱社

清川社 (由畫籍)

賦博社 (由畫籍)

盜模庸 (由畫籍)

博宮庸

滌爭峒

滌隘峒

昧玗峒

江吳總拾柒社庸幫寨：

江吳社

俗美社

芹泮社

陶寧社

永山社

燕陽社

那爛庸 (由畫籍)

廣西幫 (由畫籍)

隴樓寨

博珀寨

那禎寨

那爛寨

隴川寨 (由畫籍以下)

夜籠寨

谷邱寨

玗習寨

玗沐寨

### 風俗

轄內土民多，儂蠻少。懶山、匠安貳總接近省城，土民頗習華風。其中有文學者，良馬、牧馬、甘美、嘉恭(屬懶山總)、匠勤、春珀、河隍、薪寨(屬匠安總)等社庸、率性、玉坡等總質野而近厚，而玉坡社又有文學。江吳、復和、上坡等總無禮而好爭，而僊膠社尤為健訟。若事神則有岑山廟(詳注在下名勝)，良馬、牧馬有關<sup>17a</sup>帝廟；奉佛則有春

嶺寺(詳注在下名勝)、高鳳寺。餘邑里惟有草蓐祀土神。其俗信尚巫覡與石林縣同。

### 物產

田禾葩利及山林產與石林、原平同，已見府編。率性林分產砂仁，博珀寨產甘蔗。沙梨則上坡總頗佳。竹篔出於率性總所製(由省轄無有草菅，多用竹篔為席)。寧樂社有鐵礦。永江、靖沱、富內有金礦。

### 氣候

氣候與石林、原平同。見上府編。

### 山水

<sup>17b</sup>

山有五條。其有名者，岑、崑、崙、威山、雞鳴、三斗、龍領等山。

一條自原平縣憑德社山引來內占社威山(土山)。伊山支節散下玉坡、上坡、江吳等總。其在富庶社有崙山(土山，最高大。省轄肆柱山之壹)。其在江吳、燕陽、春和叁社夾分有雞鳴山(土山。相傳僞莫將為黎兵所敗，連夜走至伊山上，聞村雞鳴，因名焉)一帶，高低聯絡，土石相間。南接諒山省七溪縣界，東至那爛寨，入清國下凍州。通計自內占至那爛長約壹百叁拾里。

一條自原平縣憑德社山引來內占玗村(土山)，經富博、臨川等社至率性社而止，長約五拾里。  
 一條自原平縣沱峒社山引來雲油社(土山)至鼓舞

18a

社，有三斗山（山上參嶺峙立，故名）。又經勝邱社至河隍社而止，長約五拾里。

一條自石林縣虬山社引來春珀社龍領山（土山。有壹大石形如龍領，故名），經匠勤社岑山（土山，最高大，省轄肆柱山之壹。其下有儂智高廟在焉），至嘉恭社而止，長約拾五里。

一條自石林縣案賴社山引來憑塘社（石山），連下廣淵縣多孫社山，長約拾里。又一支夾案賴之虬山社內村引來玉坡社崑山（土山最高大，省轄肆柱山之壹），經峨址社至河池社而止，長約貳拾里。

水有滌、瀨、滾叁江

一條滌江自石林縣河譚社注下，自西而東，經春嶺、薪寨、河隍、春珀、匠勤、嘉恭、玉坡、峨址、春光、岑川、復和、俗美等社，至片泮社達于清國龍州水口關，長玖拾五里（內春嶺江分深柒丈，俗號鐘潭；薪寨至玉坡深陸尺，間有五灘，水涸辰可涉；峨址至岑川深壹丈；復和至片泮深貳丈，廣各拾五丈）。

一條瀨江自原平縣沱峒社注下，自西而東，經鼓舞、匠安、寧樂等社至嘉恭社與滌江合，長貳拾貳里（廣叁丈五尺，深五尺）。又一支自靖沱社山發源，一支自原平縣憑德社江貳流于內占社合襟，自西南而北，經富博、臨川、率性等社，至鼓舞社與瀨江合，長陸拾肆里（內內占至富博，

廣壹丈五尺，深貳尺；臨川至鼓舞，廣貳丈貳尺，深叁尺）。

一條滾江自石林縣邱安社注下，自北而南，至玉坡社與滌江合，長貳拾貳里（廣貳丈柒尺，深肆尺）。

## 名勝

復和古城：相傳唐咸通年間，都護高駢所築。其城背山面水，頗有形勝。今城脚碑石現存。

岑山廟：廟在匠勤社岑山下。相傳李辰，儂智高（廣淵縣人）舉兵侵宋，克服邕、橫貳州。後爲宋狄青所敗，乘馬復回，尋而騰空脫化。原廟在山嶺。民社望拜不便，咒懇移之。忽見廟上蓋茅飛下山脚壹片。乃因其地建廟。現今廟宇（瓦廟）巍然，聲靈顯著。凡在省禱雨及民間祈禱無不應者。是爲省轄中最靈祠。遞年春正月初拾日遠近男女各至瞻拜。因而會歌爲樂。

春嶺寺：寺名圓明。相傳古有雌雄鐘貳顆。僞莫占據辰，其鐘常夜出滌江潭與水神鬥。壹夜聞江潭處鐘聲與水聲交吼甚震。朝視之，則雄鐘失了，不知所去。其潭因名鐘潭。後叁年有清客云：太平府江畔得巨鐘壹顆，無螭頭，身刻圓明寺鐘肆字。問鎮官經寺僧往處探果。今其寺雌鐘尚存焉。遞年春正月初拾日古俗有勝會。自經兵火之後，多不如前。

路程

一條關報路自縣暫莅之南，經高福、高雅貳站至終山嶺，夾諒轄七溪縣界，長肆拾叁里。又一條小路自高福站東南經資斑庸至那爛寨，夾清國下凍州界，長肆拾五里拾貳丈。

一條小路自縣莅之南，經率性至高門社，夾太轄感化縣界，長壹百里。

19b

一條小路自縣莅之西，過瀘江至河隍社夾石林縣界，長拾陸里。

一條小路自縣莅之東，過漭江至玉坡社，夾石林縣界，長肆里。

一條小路自縣莅之西南，經懶山社至雲油社，夾原平縣界，長叁拾捌里。

20a

原平縣

和安府統轄。於嗣德貳拾柒年新奉設置。縣轄在省城之西南。縣暫莅在上關總雲從社吟山庸（去省城柒拾五里）。其轄東夾石安縣界，西夾太原省白通州界，南夾太原省感化縣界，北夾石林縣界。東西相距肆拾叁里，南北捌拾五里。

現在兵籍貳名（由該轄甫經匪擾，未奉增揀。其原籍不

（詳）。

各項人數原籍五百玖拾五人。茲現在壹百捌拾肆人。

現徵稅錢壹百柒拾捌貫壹陌。

別納銀稅叁拾肆兩

熟鐵稅代納銀貳拾五兩貳錢

各項田土原籍壹千玖百五拾叁畝貳高拾叁尺。茲現墾陸百柒拾捌畝捌高陸尺。

現徵租粟壹百陸拾柒斛叁拾肆鉢捌合

稅錢壹百拾叁貫五陌

務農錫礦白錫稅壹百斤

銀山銀礦原額稅叁百柒拾兩。茲現徵壹百兩。

又原筭茫金礦稅拾叁兩。茲現關閉。

20b

縣轄肆總

錦里總陸社：

錦里社 春恍社 薊門社 茫峒社

涼茶社 卜上社

上關總捌社庄：

上關社 雲從社

香泥社 憑德社 上恩社 穀旦社

嘉憑總伍社：

嘉憑社 鄱東社 平朗社 重坤社

朝舞社

金馬總陸社：

21a

金馬社 三弄社 務農社 宏模社  
靈琬社 靈梅社

## 風俗

轄內土少蠻多。金馬總其人質厚，有事則相糾結，不為賊屈，頗為好義。上關總其人悍而且詐。嘉憑總則嘉憑社近於詐，錦里總則薊門社近於悍而皆質樸。邑里惟結草萊以祀土神，並無神亭佛寺。其俗好尚巫覡，近於石安、石林。

## 物產

田禾葩利及山林產與石林石安同，已見府編。惟蜀黍與禹餘糧較多，沙梨諸總有之，但滋味甚減。上關總雲從社有銀礦，箄茫社有金礦，務農社有錫礦。

## 氣候

氣候與石安石林同，見上府編。

## 山水

山有貳條。其有名者，嶺山、岵銀山、牛角山、講山、梅山。

一條自太原感化縣權山引來三弄社（石山），經務農、完模等社至靈梅社，長約貳拾里。其在靈梅社分為貳支。壹支（石山）經嘉憑、重坤等社至鄰東社連下石林縣和寧社山，長約肆拾里。壹支（土山）經春恍、涼茶、薊門等社至朝舞社嶺山

22a

（土山，最高大。省轄肆柱山之壹）連下石林縣福增社山，長約叁拾陸里。又于薊門社分壹支（土山）至茫峒社連下石安縣雲油社山，長約拾里。

一條自太原省感化縣權山引來穀旦社岵銀山（土山）分為叁支。壹支（土山）經香泥、平朗等社至箄茫社，再轉入感化縣金喜社，長約陸拾里。壹支（土山帶石）經雲從社牛角山（山上兩嶺石峭如牛角，故名）至憑德社連下石安縣內占社山，長約五拾里。壹支（土山）經金馬、上恩貳社講山至憑德社，長約肆拾里。又于憑德社分為貳支（土山）。壹支連下石安縣內占社山，壹支精錦里、茫峒貳社梅山至卜上社而止，長約肆拾里。

## 水有叁條：

一條自太原省權山，自北而南，經三弄、金馬、春恍、錦里等社至茫峒社瀋江，達于石安縣鼓舞社，長叁拾里（內三弄至春恍，廣各貳丈，深叁、肆尺不等；錦里至茫峒，廣陸丈，深肆尺）。

22b

一條自務農社山發源，自西北而東，經完模、靈琬等社至重坤社，與石林之琅玕社江合流。又經鄰東社達于石林縣和寧社江，長叁拾里（內完模至靈琬，廣壹丈捌尺，深貳尺；重坤至鄰東，廣貳丈五尺，深肆尺）。

一條自銀山發源，自西而東，經雲從、憑德等社達于石安縣內占社江，長叁拾五里（廣壹丈，深叁

## 名勝

全轄無有名勝可錄。

## 路程

一條自縣莅之東精憑德社至茫峒社，夾石安縣界，長陸拾里。

23a

一條自縣莅之北，經上恩、靈琬、靈梅等社至嘉憑社，夾石安縣界，長捌拾肆里。

一條自縣莅之南，經雲從社至香泥社，夾太轄感化縣界，長五里叁拾五丈。

一條自縣莅之西北，經穀旦、北斌等社庸至平朗社，右夾石林縣界，左夾宣光底定縣界，長捌拾貳里。

24a

## 重慶府

府轄在省城之東北。兼理上琅縣，統轄廣淵、下琅貳縣。府莅在上琅縣凌煙總好禮社分（去省城捌拾貳里）。原前係上琅縣莅。嗣德貳拾柒年捌月日奉改爲府莅。城北向，前面石砌。左、右、後叁面土築，各高肆尺，厚叁尺五寸。周圍通長叁拾陸丈捌尺（前後左右各玖丈貳尺）。前、後門貳。城外惟前

尺）。

面有濠，廣五尺，深叁尺。其轄東夾清國下雷州界，西夾石林縣界，南夾清國上龍州界，北夾清國歸順州界。東西相距壹百叁里，南北壹百壹里。

現在兵籍壹百五拾玖名（原籍不詳）

各項人數原籍肆千捌百肆拾捌人。茲現在貳千陸百

拾貳人

現徵稅錢貳千叁百拾肆貫

別納銀稅玖拾肆兩

各項田土原籍貳萬玖百玖畝叁高壹尺壹寸陸

24b

分。

茲現墾壹萬壹千壹百伍拾叁畝貳高柒尺貳寸五分

現徵租粟叁千壹百五拾斛叁拾鉢肆合叁勺

稅錢壹千捌百肆拾捌貫貳陌叁拾五文

兼理上琅縣肆總：

凌煙總

綺貢總

峨塢總

登州總

統轄廣淵、下琅貳縣

廣淵縣五總：

武凌總

仰同總

力農總

樂郊總

格靈總

下琅縣叁總：

令禁總

調琅總

白藤總

23a

## 風俗

上琅縣土多儂少，廣淵、下琅貳縣土、儂參半。邑里零星，俗尚同異，已見上省編。舉其大概，則上琅

肆總率多淳厚。廣淵之仰同、樂郊、格靈近於厚，力農、武陵涉於頑，下琅悍而刁，而白藤爲最。若其民耕農爲業，商賣者少。其俗尊信於神，亦尚巫覡（男巫多，女巫少）。男女好遊戲，叁縣則同。

## 物產

田多磽瘠，較與和安地勢又高。禾宜秋，不宜夏。藍草、纊麥、芋豆、蜀黍隨地有之。而麥與蜀黍較多。石山產枕榔、檨木。諸林分麋鹿、麝香與白蜜、薯蕷亦間有之。沙梨則上琅較諸縣爲最佳。調琅產金櫻，峨塢產粟，登州產<sup>260</sup>香魚。

## 氣候

地勢極北，林麓相連。寒多瘴盛。朝常白霧暝天，日高出貳、叁丈乃漸散。秋冬至春皆然，惟夏稍輕。正、貳月北風細雨，氣尚嚴凝。叁月東風帶寒，肆月漸溫。五、陸月南風乃有晴明，天氣稍熱，常陣雨。但地勢高，無有潦漲。柒、捌月西風已有寒氣。或經旬陰雨。玖、拾月北風，日陰夜寒。拾壹、拾貳月北風極寒，常有大雪。溪澗薄水凝合，日至卯、未始泮。肆辰仍無暴風。農候叁月播秧，肆、伍月稼。若至陸月續稼則不城禾。

## 山水

縣轄地勢連山。舉其大幹有柒條。叁條自清國歸順州引來上琅縣凌煙總。左條至登州總，右條至綺

貢總而止，中條又分叁條齊下下琅縣，入清國上龍州。一條自歸順州引來上琅縣登州、峨塢而總界，再轉入下雷州。一條自石林縣引來廣淵縣仰同總。一條自石林縣引來武陵總。一條自石安縣引來力農總，皆至廣淵縣江分而止。其中有名者，上琅之柯山，下琅之蓮山、扞山。

江溪淺淡。其流有肆條。一條自清國歸順州注來廣淵縣，經上琅、下琅貳縣，又轉由廣淵縣達于清國龍州。一條自清國歸順州注來上琅，經下琅縣達于清國下雷州。一條自清國上龍州注來下琅縣，又轉達于上龍州。一條自下琅縣令禁石山發源，亦達于上龍州。

## 名勝

全轄山勢粗雄，水流湍急。間有壹、貳廟寺，亦屬荒莽，並無名勝可錄。

## 路程

一條小路自府莅之西，經上琅之好禮、兌崑，廣淵之敢好、漫沓至石屏社，夾石林縣界，長五拾貳里。

一條小路自府莅之南，經上琅之綺貢、兌崑，下琅之陽盎、令禁、福平至光貴社，夾清國上龍州界，長捌拾里。

一條小路自府莅之東，經上琅之盤沓、塢堪，下琅之掉兒至隴多社，夾清國下雷州界，長陸拾里。

27a

一條小路自府莅之北，經上琅之凌煙、平沙，廣淵之仰同至果脫社，夾清國歸順州界，長叁拾柒里。

### 上琅縣

28a

重慶府兼轄。其轄東夾清國下雷州界，西夾廣淵縣界，南夾下琅縣界，北夾清國歸順州界。東西相距陸拾里，南北陸拾里。

現在兵籍陸拾名（原籍不詳）

各項人數原籍壹千玖百五拾人。茲現在柒千肆拾肆人

現徵稅錢捌百捌貫陸陌

別納銀稅肆拾捌兩

各項田土原籍柒千肆百捌畝叁高肆尺叁分。茲現墾

肆千陸百柒拾捌畝玖高陸尺貳寸陸分

現徵租粟壹千壹百五拾五斛拾陸鉢叁合五勺

稅錢柒百肆拾貫五拾捌文

縣轄肆總

凌煙總拾肆社村庸：

凌安社

玉律社

玉崑社

登淦社

好禮社

梅嶺社

安禧社

泡溪社

隴樓村

沱坡村

隴知村

平沙村

隴鐘隴扎村

古株庸

綺貢總玖社庸：

綺貢社

昂山社

美溪社

四美社

景山社

古芳社

申陽社

兌崑社

兌崑庸

峨塢總拾壹社庸寨：

峨塢社

塢塔社

蓬山外社

上貢社

關渚社

重崖社

進稔社

峨山社

蓬山內社

叫湯庸

隴筩寨

登州總柒社村：

登州社

隴淀社

瓊樓社

宏禮社

凍溪社

盤沱社

隴萊村

### 風俗

轄內土多儂少，大率質野，不好爭競。凌煙、綺貢貳

總為最淳。登州、峨塢、盤沱貳總次之。間有刁悍者，古

芳、登淦、峨塢、盤沱肆社而已。奉神惟有府莅旁

壹廟祀百神。其轄人春秋會祭。餘亭寺皆無。邑里

惟結草蔡祀土神。人有疾病事故，先禱於神，如未

驗，然後請巫祈之。男女好容飾，上風情。春正

月、秋柒月群集諸市肆，男則洋遮清扇，女則銀釵

葩鞋，相與唱和歌謠以為勝會。

### 物產

田禾葩利及山林產與廣淵、下琅同，已見府編。惟葩利則麥較多，沙梨諸<sup>296</sup>總皆有之，較與諸轄之沙梨為最佳。峨塢總峨塢社產栗。登州總隴淀社產香魚（相傳伊社江底有沉香木，故青魚產出伊江分者其腦香）。

## 氣候

氣候與廣淵、下琅同。見上府編。

## 山水

山有叁條。其中有名者曰柯山。

一條自清國歸順州棟愛隘引來泡溪社（土山間石），經玉崑、安禧、梅嶺等社至隴淀社而止，長約貳拾里。

一條自棟愛隘引來沱波村（土山間石），經隴知、平沙、凌煙等社至古芳社而止，長約<sup>305</sup>叁拾里。

一條自棟愛隘引來玉律社（土山間石）分為貳支。左支至登州社而止，長約捌里。右支至好禮社，又分為叁支。壹支經景山、四美等社至兌崑社，連下下琅縣陽盜社山，長約叁拾里。壹支經盤沱社至美溪社，有柯山（土山。較縣轄諸山最高大），又經綺貢社至峨山社，連下下琅縣掉兒社山，長約五拾貳里。

一條自歸順州岳隘落入隴淀、關渚、隴篔等社寨（土山間石），再轉入下雷州兢隘，長約五里。水有貳條：

一條自廣淵縣敢好社江注來，自北而西，經兌崑社達于下琅縣陽盜社江，<sup>306</sup>長貳拾貳里（廣各叁丈，深或叁肆尺不等）。

一條自歸順州岳隘注來，自北而東，經泡溪、玉崑、梅嶺、隴淀、瓊樓、峨塢等社達于下琅縣掉兒社江，長肆拾貳里（廣各叁丈肆尺，深叁、五尺不等）。

## 名勝

全轄無有名勝可錄。

## 路程

一條小路自府莅之西，經好禮社至兌崑社，夾廣淵縣界，長貳拾叁里。

一條小路自府莅之南，經綺貢社至兌崑社，夾下琅縣界，長拾玖里柒玖叁丈。

一條小路自府莅之東，經盤沱、峨塢等社至塢塔社，夾下琅縣界，長肆拾叁里。

一條小路自府莅之北，經玉律、梅嶺等社至泡溪社，夾清國歸順州界，長貳拾捌里。

又一條經凌煙社至平沙村，夾廣淵縣界，長貳拾五里。

31a

32a

# 廣淵縣

重慶府統轄，在省城之東北。縣蒞在武陵總鄱陽社分（去省城陸拾里）。城北向，土築，高叁尺，厚貳尺。周圍通長叁拾丈（前後各捌丈，左右各柒丈）。外植苗木。肆面濠各深貳尺，廣叁尺。前門壹。其轄東夾上琅縣界，西夾石林縣界，南夾石安縣界，北夾清國歸順州界。東西相距五拾貳里，南北捌拾捌里。

現在兵籍五拾五名（原籍不詳）

各項人數原籍壹千柒百肆拾五人。茲現在柒百五拾人

現徵稅錢捌百貳拾玖貫肆陌

別納銀稅叁拾壹兩五錢

各項田土原籍玖千貳百肆畝壹高捌尺陸寸。茲現墾

叁千柒百玖拾畝貳高拾壹尺玖寸陸分

現徵租粟壹千玖拾斛壹鉢肆合捌勺

稅錢陸百拾柒貫捌陌叁拾肆文

32b

## 縣轄五總

武陵總拾壹社村庸：

武陵社

古農社

石屏社

沱艚社

如陵社

鄱陽社

沱偉社

蕪田社

平陵社

豐盛村

鄱陽庸

樂郊總捌社村：

樂郊社

無雙社

雙靖社

盤莊社

木斛社

沱玕社

凌懷社

四靈村

力農總陸社庸：

力農社

多孫社

上南社

下南社

陽南社

凍多庸

格靈總拾社村庸：

格靈社

永賴社

嘉歲社

古樂社

偉望社

博望社

山農社

弗迷社

盤維文雅村

格靈庸

仰同總拾社村庸：

仰同社

敢好社

漫沱社

彤管社

玉管社

果脫社

瓊管社

屯奇村

屯惠村

通攜庸

## 風俗

轄內儂土參半。仰同、樂郊、格靈等總近於淳厚，而其中瓊管、樂郊偉望叁社為最。力農、武陵等總近於刁詐，而其中力農、武陵貳社為甚。奉神惟有縣蒞旁壹廟祀百神，其轄人春秋會祭。餘亭寺皆無。若其祀土神，尚巫覡，好歌謔類皆與上琅俗同。

## 物產

田禾葩利及山林產與上、下琅同，已見府編。梨則仰同總為佳。土錦出於武陵、瓊管、漫沱叁社所織。

## 氣候

氣候與上、下琅同。見上府編。

## 山水

山有叁條：

一條自石林縣熙隴社山引來玉管社（石山）經屯奇、屯惠、瓊管、仰同、浸沱等社村<sup>34a</sup>至敢好社而止，長約陸拾五里。

一條自石林縣奇川社山引來石屏社（石山）至浸沱社，長約叁拾里。其在漫沱社又分爲貳支。壹支（石山）經武陵社至平陵社而止，長約肆拾里；壹支經盤莊、雙靖、無雙、木斛、沱玕、陵懷、格靈等社（石山）至偉望、弗迷貳社（土山）而止，長約捌拾里。

一條自石安縣憑塘社山引來多孫社（石山）經力農、上南、下南、陽南等社至山社社而止，長約捌拾里。

水有一條自清國歸順州釵隘注來，自西北而東，經果脫、仰同、敢好等社，達上琅社之兌崑社，下琅縣之陽盎社，又轉由博望、古樂、弗迷等社達于清國龍州水口關，長捌拾貳里（內果脫至古樂，廣各貳丈貳尺，深貳、叁尺不等；古樂至弗迷，廣各叁丈，深叁、肆尺不等）。又壹支自<sup>34b</sup>沱艘社石山發源，自西而東，經沱偉、武陵、如陵、蕪田等社至古樂社江合流，長五拾里（廣各一丈五尺，深壹、貳尺不等）。

## 名勝

全轄無有名勝可錄。

## 路程

一條小路自縣莅之西，經沱艘社至石屏社，夾石林縣界，長貳拾里。

一條小路自縣莅之南，經樂郊、格靈等社至弗迷社，夾清國龍州水口關，長五拾肆里。

一條小路自縣莅之東北，經沱偉、漫沱等社至敢好社，夾上琅縣界，長貳拾里。

<sup>34a</sup>

## 下琅縣

重慶府統轄。在省城之東南。原係重慶府兼理。嗣德叁年，奉裁省和安府，仍將重慶府莅移于和安府原莅。其縣插入上琅併攝。貳拾肆年復奉分設縣莅在令禁總令禁社分（去省城壹百壹里）。肆圍竹柵，通長叁拾丈（前後左右各柒丈五尺），未有修理城壕。其轄東夾清國安平州界，西夾廣淵縣界，南夾清國上龍州界，北夾上琅縣界。東西相距陸拾貳里拾丈，南北肆拾五里捌丈。

現在兵籍肆拾肆名（原籍不詳）。各項人數原籍壹千壹百五拾叁人。茲現在五百陸拾

捌人。

現徵稅錢陸百柒拾陸貫

別納銀稅拾肆兩五錢

各項田土原籍肆千貳百玖拾陸畝捌高叁尺五寸叁分。茲現墾叁千捌拾肆畝肆高肆尺叁分

現徵租粟玖百五斛拾貳鉢陸36a合

稅錢肆百玖拾貫叁陌叁文

縣轄叁總

令禁總拾壹社村庸：

令禁社 永壽社

福平社

明教社

陽益社 廉水社

復禮社

光貢社

文區杏壇村

讓美社

令禁庸

調琅總玖社寨市：

調琅社 波凌社

都蒙山社

會溪社

玉山社 安化社

靈琅擇社

隴碗寨

凍龍市

白藤總玖社村寨市：

白藤社 同鸞社

樂窩社

掉兒社

隴多村 隴瓢寨

湊速寨

李伴寨

鞏昌市

### 風俗

36a

轄內儂多土少。其人鷙悍，強弱相凌，尚誇詐，好詞訟。白藤總為最，調琅、令禁貳總次之。僅有永壽、令禁、讓美、陂陵肆社稍為淳厚而已。其奉祀

神佛，惟令禁、永壽貳社相接山分有廟壹祀城隍，寺壹祀觀音佛。轄之人疾病、嗣育凡有求必禱焉。應則廟用雞牲酒粢，寺用香果齋品，請僧人誦經叁日，或柒日以酬之。餘邑里亦皆結草蔡祀土神，而無亭寺。至如巫覡有之，但不甚尊信。遞年正、叁、柒等月，男女容飾集于令禁庸歌謔為樂，類與廣淵、上琅俗同。

### 物產

36b

田禾葩利及山林產與上琅、廣淵同。惟葩利則蜀黍為多。金櫻產出於調琅，桃李則諸總皆有之。

### 氣候

氣候與上琅。廣淵同。見上府編。

### 山水

山有叁條。其中有名者蓮山、扞山。

一條自上琅縣兌崑社山引來陽益社蓮山（土山。形如蓮花，故名），分為貳支。左支經伊社扞山（土山間石。寬大，舊產斑竹。今無）至明教社，及夾界之廣淵縣盤維社而止，長約貳拾里。右支（石山）經永壽、福平、調琅（這條石山，惟調琅社落出土山，俗號峒椅）光貴等社至文區、杏壇村入清37a國上龍州，長約壹百里。

一條自上琅縣峨山社山引來樂窩社（石山），經同鸞、白藤等社至掉兒社內村而止，長約陸拾里。

一條自上琅縣鳩塔社山引來掉兒社外村（石山）經隴多、滄速、隴瓢、李伴、玉山、安化等社村寨至都蒙山社，入清國上龍州，長約壹百貳拾里。

水有肆條：

一條自上琅縣兌崑社江注來，自北而南，經陽盎社達于廣淵縣博望社江，長肆拾里（廣各叁丈，深叁、肆尺不等）。

一條自上琅縣鳩塔社江，自北而東，經掉兒、隴多、滄速、李伴等社村寨，達<sup>37b</sup>于清國下雷州那靈隘，長貳拾壹里（廣肆丈，深叁、五尺不等）。

一條自令禁社石山發源，自北而南，經永壽、福平、廉水等社達于清國上龍州含石峒，長叁拾里（廣貳丈貳尺，深叁、肆尺不等）。

一條自清國上龍州九可隘，自東而西經光貴社，又達于清國上龍州含石峒，長貳拾里拾五丈（廣各壹丈五尺，深貳、叁尺不等）

## 名勝

全轄無有名勝可錄。

## 路程

一條小路自縣莅之西，經令禁、明教等社至陽盎社，夾上琅縣界，長貳拾里。

38a

一條小路自縣莅之東，經福平、讓美、調琅、會溪等社至安化社，夾清國安平州界，長肆拾貳里。

又一條自福平社之南，經廉水、光貴等社，至貴河堡，夾清國上龍州界，長叁拾貳里。

一條小路自縣莅之北，經永壽、掉兒等社，至隴多村，夾清國下雷州界，長叁拾玖里。

